

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
NHÓM NGÀNH MÁY TÍNH VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**



**BÁO CÁO ĐỒ ÁN MÔN HỌC
MÔN: MẠNG MÁY TÍNH
ĐỀ TÀI: PACKET TRACER**

Sinh viên thực hiện:

Nguyễn Đặng Khôi Nguyên (24120394)

Lê Thái Vinh (24120157)

Trần Lê Xuân Tân (24120136)

Giáo viên hướng dẫn:

Lê Hà Minh

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2025

Mục lục

1	THÔNG TIN NHÓM	3
1.1	Giới thiệu thành viên nhóm	3
1.2	Mục tiêu đề án	3
2	ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH	3
2.1	Bảng đánh giá mức độ hoàn thành	3
2.2	Số điểm mong đợi	3
3	PART 1: STATIC ROUTING AND PACKET ANALYSIS	3
3.1	Phần chuẩn bị (Cấu hình hệ thống)	3
3.2	Trả lời các câu hỏi Lab - Phân tích hành trình gói tin (PC1 → PC3)	17
4	PART 2: ENTERPRISE SERVICES AND DHCP RELAY	25
4.1	Phần chuẩn bị (Cấu hình hệ thống)	25
4.2	Trả lời các câu hỏi Lab	25
5	KẾT LUẬN VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN	25
5.1	Kết luận	25
5.2	Hạn chế	25
5.3	Hướng phát triển	25

Danh mục hình ảnh

1	Chuẩn bị 3 Router và đặt tên lần lượt là R1, R2, R3	4
2	Chuẩn bị thêm 3 Switch và đặt tên lần lượt là S1, S2, S3	4
3	Chuẩn bị thêm 3 PC và đặt tên lần lượt là PC1, PC2, PC3	5
4	Chọn R1 vào Physical chọn HWIC-2T và tắt thiết bị	5
5	Lắp HWIC-2T vào thiết bị để có thêm 2 cổng Serial High-Speed	6
6	Turn On Router và chờ vài giây	6
7	Bấm biểu tượng hình sấm sét để chọn dây đỏ có đồng hồ	7
8	Bấm vào R1 và chọn cổng Serial0/0/0	7
9	Bấm tiếp vào R2 và chọn cổng Serial0/0/0 để nối dây	8
10	Tương tự 2 bước trên nối cổng Serial0/0/1 của R2 với cổng Serial0/0/1 của R3	8
11	Hình ảnh sau khi nối các Router với nhau	9
12	Bấm vào R1 và chọn cổng GigabitEthernet0/0	9
13	Bấm tiếp vào S1 và chọn cổng GigabitEthernet0/1 để nối R1 và S1	10
14	Bấm vào S1 và chọn cổng FastEthernet0/2	10
15	Bấm tiếp vào PC1 và chọn cổng FastEthernet0 để nối S1 và PC1	11
16	Hình ảnh sau khi nối R2-S2-PC2 và R3-S3-PC3	11
17	Bấm vào R1 chọn CLI	12
18	Nhập các dòng lệnh này vào CLI của R1	12
19	Tương tự mở CLI của R2 và nhập các dòng lệnh này vào CLI của R2	12
20	Tương tự mở CLI của R3 và nhập các dòng lệnh này vào CLI của R3	12
21	Quay lại CLI của R1 để nhập thêm các dòng lệnh trên vào	13
22	Quay lại CLI của R2 để nhập thêm các dòng lệnh trên vào	13
23	Quay lại CLI của R3 để nhập thêm các dòng lệnh trên vào	13
24	Hình ảnh sau khi đã nhập hết tất cả các lệnh trên	14

25	Bấm vào PC1 chọn Desktop -> IP Configuration và sửa các IP của PC1 theo yêu cầu đề bài	14
26	Tương tự sửa các địa chỉ IP của PC2 theo yêu cầu đề bài	15
27	Tương tự sửa các địa chỉ IP của PC3 theo yêu cầu đề bài	15
28	Kiểm tra kết nối từ PC1 bằng lệnh ping	15
29	Kiểm tra kết nối từ PC2 bằng lệnh ping	16
30	Kiểm tra kết nối từ PC3 bằng lệnh ping	16
31	Gói tin ở PC1 trước khi rời đi	17
32	Gói tin khi đến S1	17
33	Gói tin khi đến R1	18
34	Gói tin khi đến R2	19
35	Gói tin khi đến R3	19
36	Gói tin khi đến S3	20
37	Gói tin khi đến PC3	21
38	Gói tin đi từ PC3 đến S3	22
39	Gói tin đến R3	22
40	Gói tin đến R2	23
41	Gói tin đến R1	23
42	Gói tin đến S1	24
43	Gói tin đến PC1	24

1 THÔNG TIN NHÓM

1.1 Giới thiệu thành viên nhóm

MSSV	Họ và Tên	Địa chỉ email	Ghi chú
24120394	Nguyễn Đặng Khôi Nguyên	24120394@student.hcmus.edu.vn	
24120136	Trần Lê Xuân Tân	24120136@student.hcmus.edu.vn	
23120157	Lê Thái Vinh	24120157@student.hcmus.edu.vn	

1.2 Mục tiêu đề án

- Thiết kế và triển khai hệ thống mạng đa tầng cho doanh nghiệp sử dụng Cisco Packet Tracer.
- Thành thạo cấu hình định tuyến tĩnh (Static Route) và định tuyến động (RIPv2).
- Triển khai các dịch vụ mạng thiết yếu: DHCP Server, DNS Server và Web Server.
- Phân tích chi tiết hành vi gói tin qua các tầng OSI trong môi trường giả lập.

2 ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH

2.1 Bảng đánh giá mức độ hoàn thành

STT	Nội dung thực hiện	Mức độ hoàn thành
1	Thiết kế Topology và cấu hình IP Part 1	100%
2	Cấu hình Định tuyến tĩnh (Static Routing)	100%
3	Chia mạng con và cấu hình DHCP Relay Agent	100%
4	Triển khai DNS và Web Server	100%
5	Định tuyến động RIPv2 thông suốt toàn mạng	100%

2.2 Số điểm mong đợi

Nhóm mong muốn đạt điểm tuyệt đối cho đề án này dựa trên việc hoàn thành tất cả các yêu cầu kỹ thuật và phân tích gói tin chi tiết.

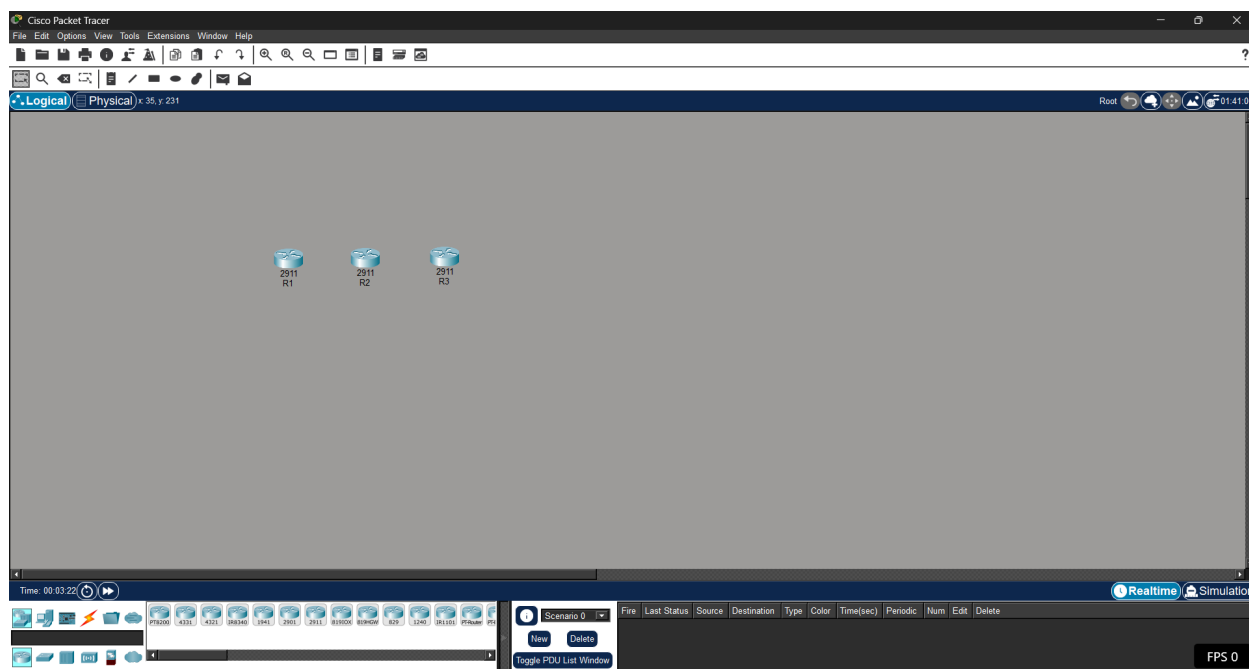
3 PART 1: STATIC ROUTING AND PACKET ANALYSIS

3.1 Phần chuẩn bị (Cấu hình hệ thống)

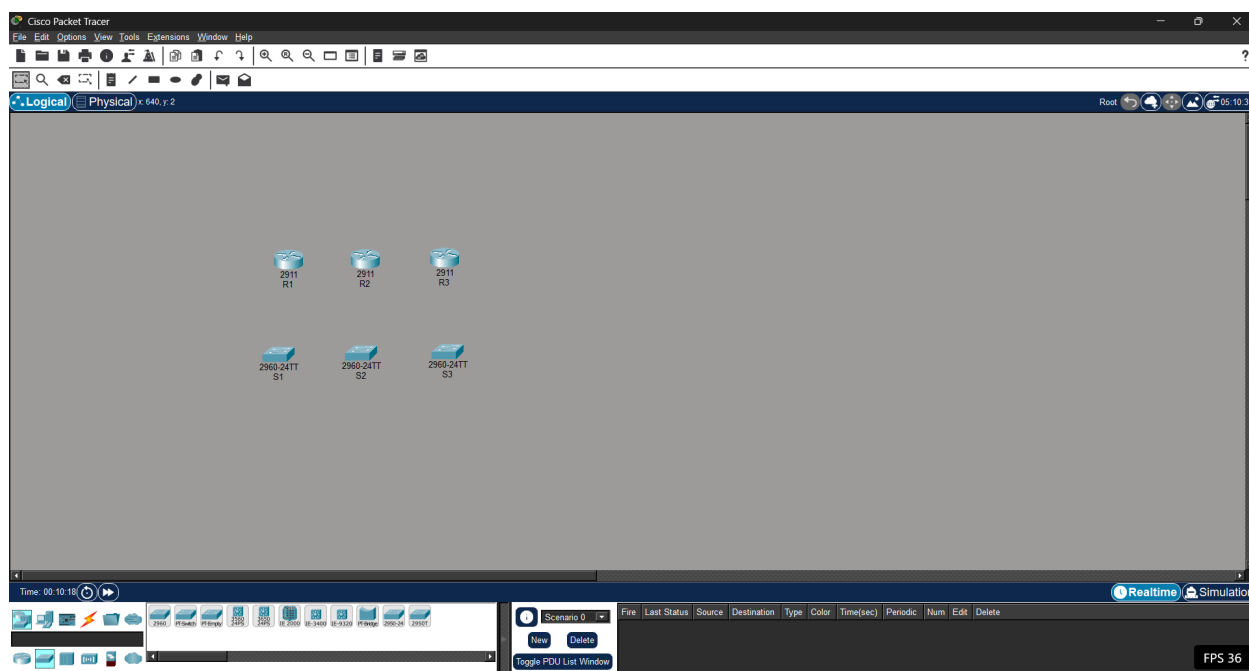
Trong phần này, nhóm đã cấu hình IP tĩnh cho các thiết bị đầu cuối và thiết lập các câu lệnh định tuyến tĩnh trên các Router.

- Cấu hình IP:** PC1 (192.168.1.10), PC2 (192.168.2.10), PC3 (192.168.3.10).
- Định tuyến tĩnh:** Thực hiện lệnh `ip route` trên các Router để chỉ đường đến các mạng LAN xa.

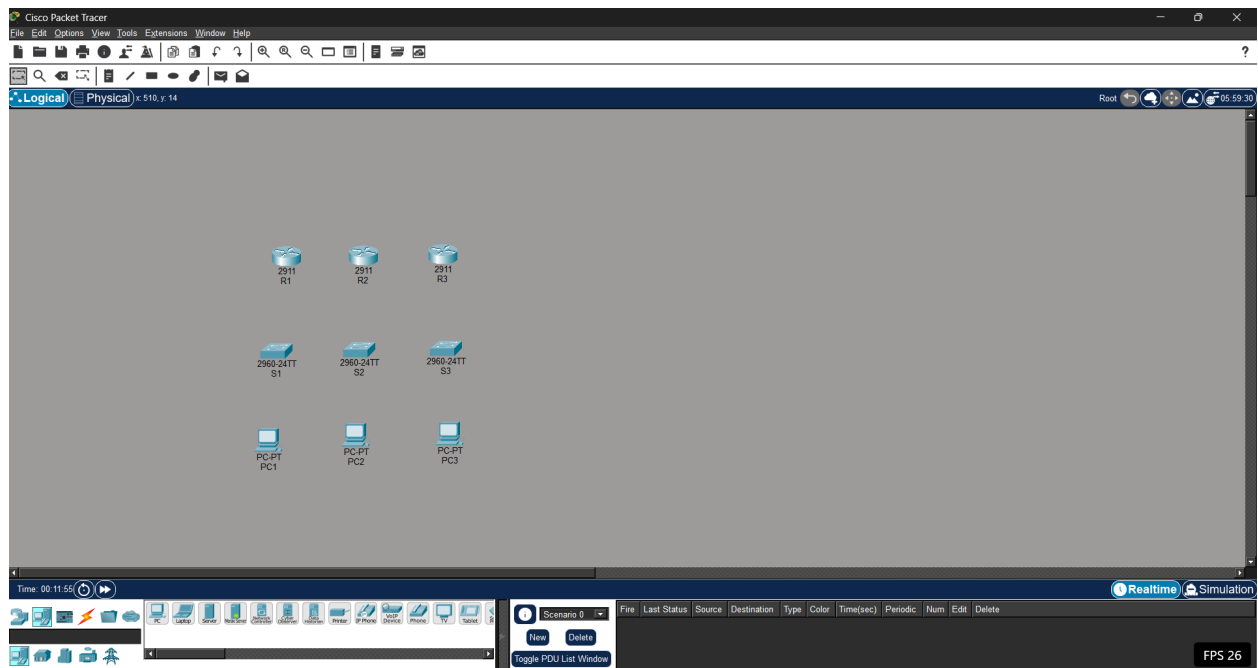
Các bước chi tiết:



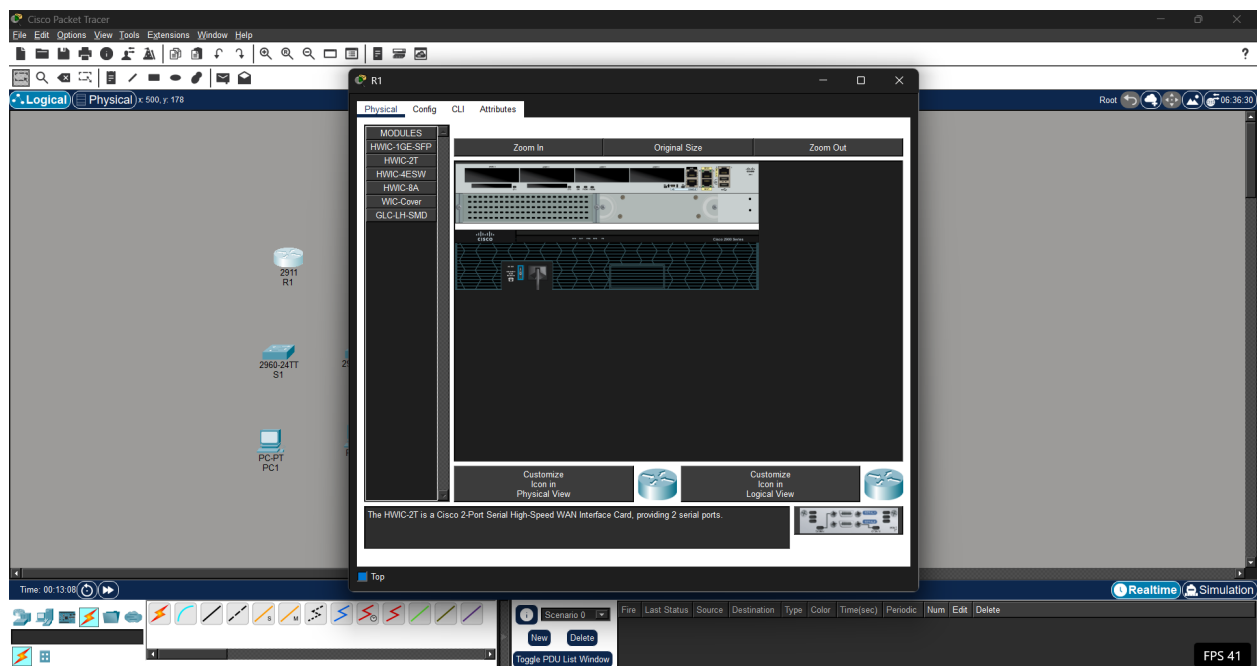
Hình 1: Chuẩn bị 3 Router và đặt tên lần lượt là R1, R2, R3



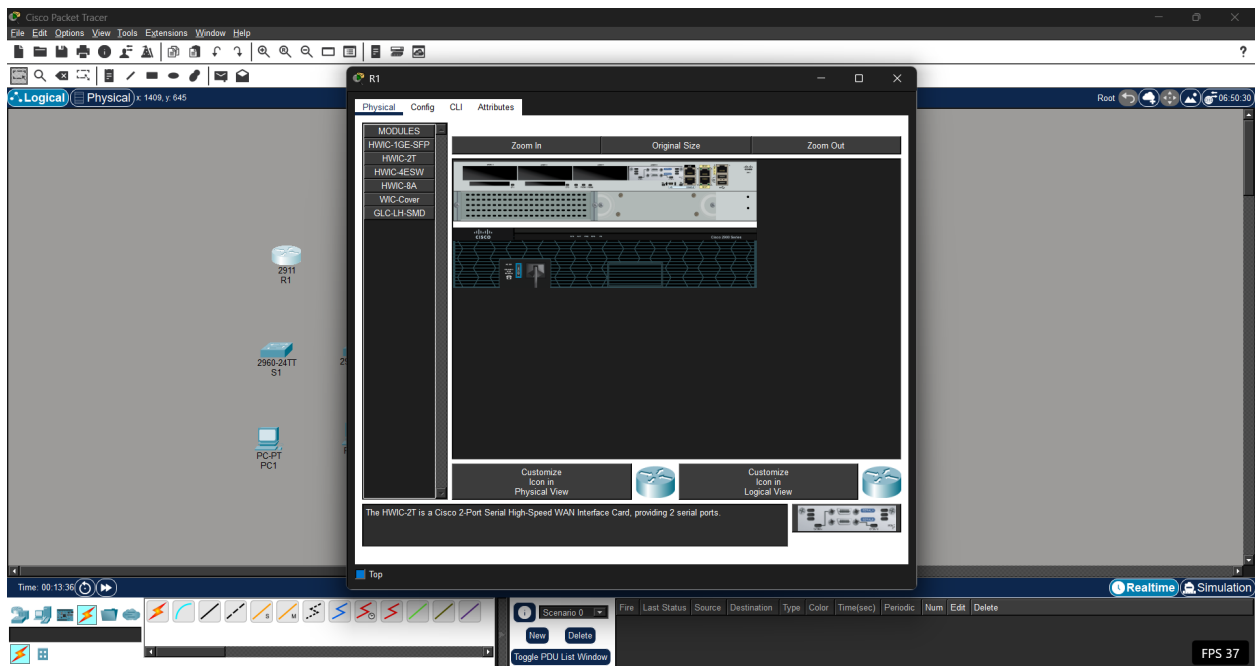
Hình 2: Chuẩn bị thêm 3 Switch và đặt tên lần lượt là S1, S2, S3



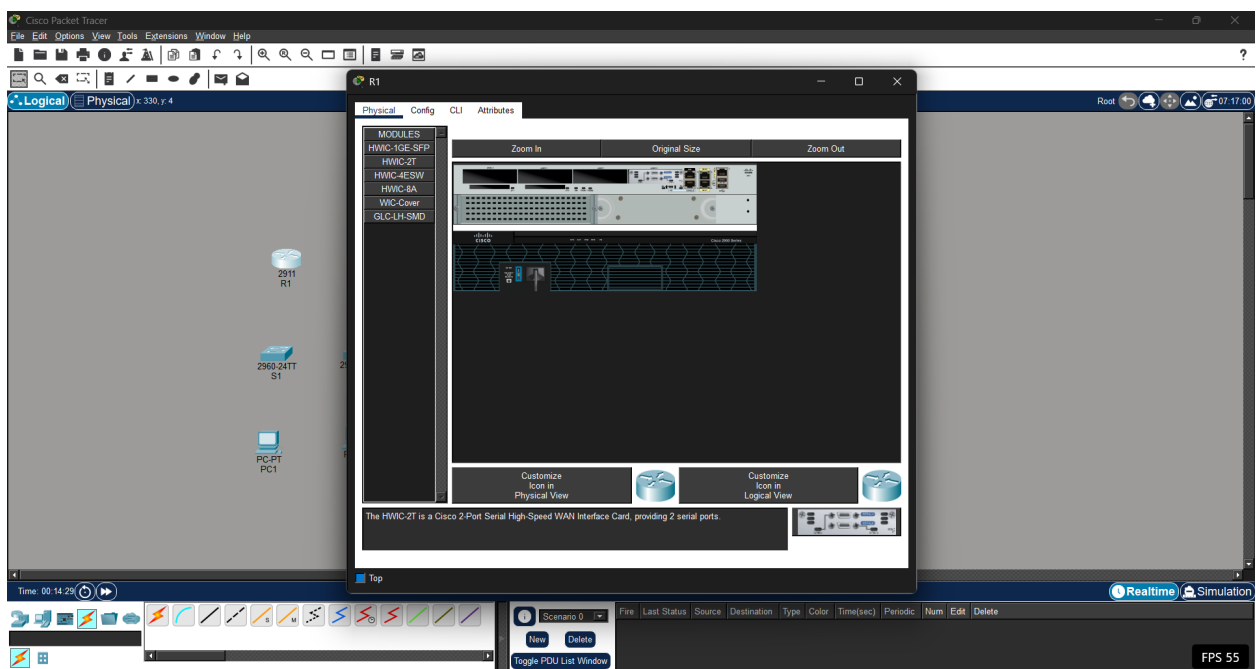
Hình 3: Chuẩn bị thêm 3 PC và đặt tên lần lượt là PC1, PC2, PC3



Hình 4: Chọn R1 vào Physical chọn HWIC-2T và tắt thiết bị

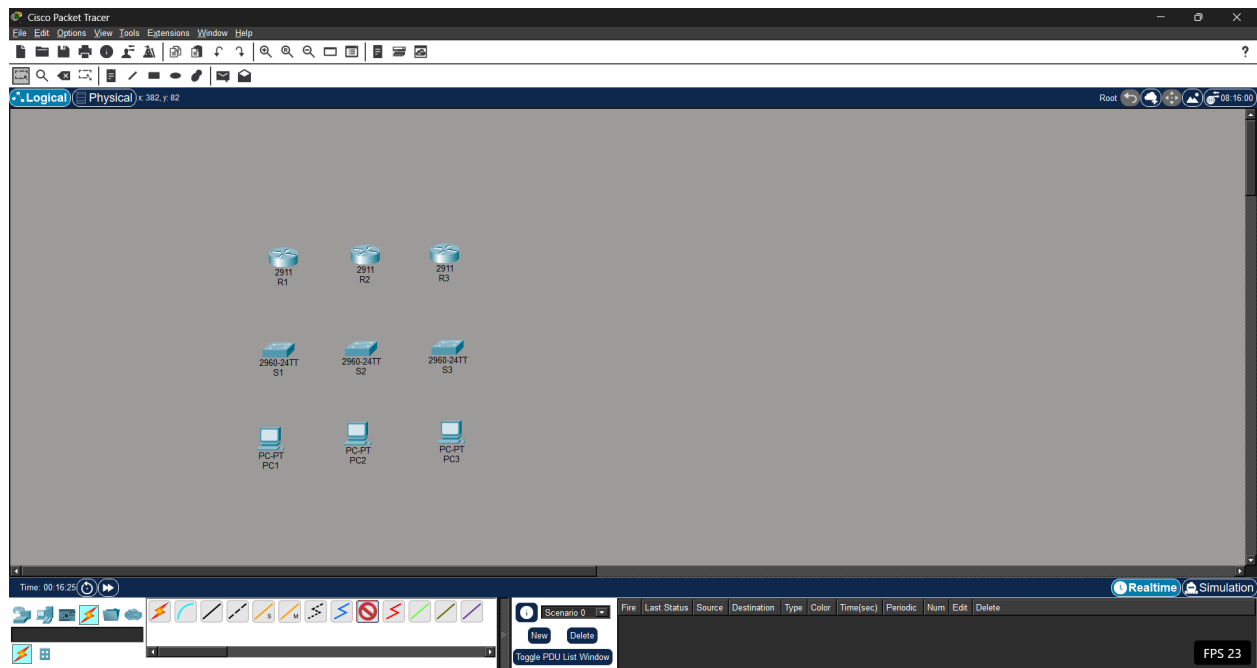


Hình 5: Lắp HWIC-2T vào thiết bị để có thêm 2 cổng Serial High-Speed

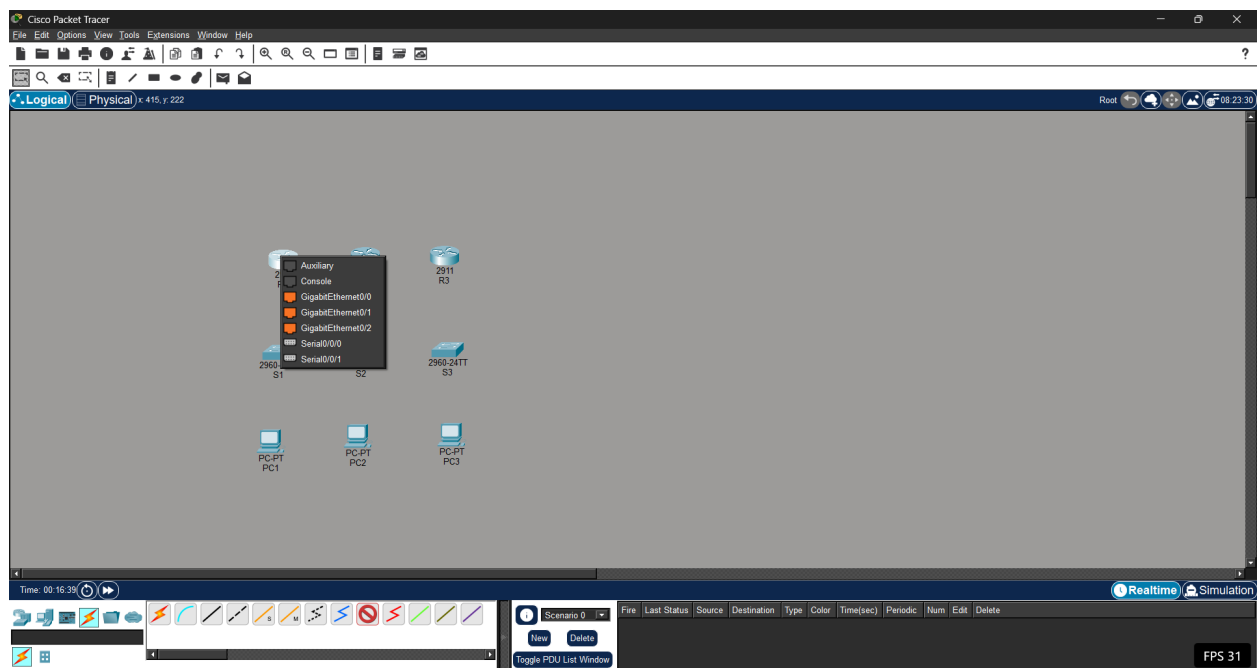


Hình 6: Turn On Router và chờ vài giây

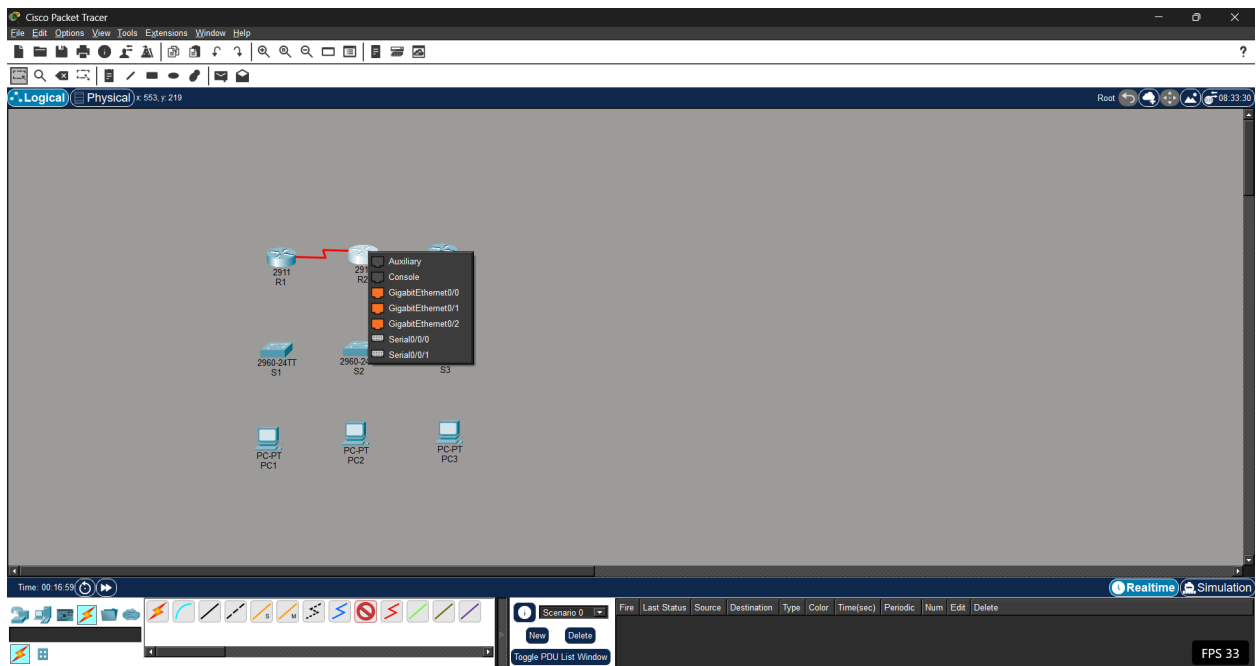
Tương tự 3 bước trên để lắp HWIC-2T cho R2, R3.



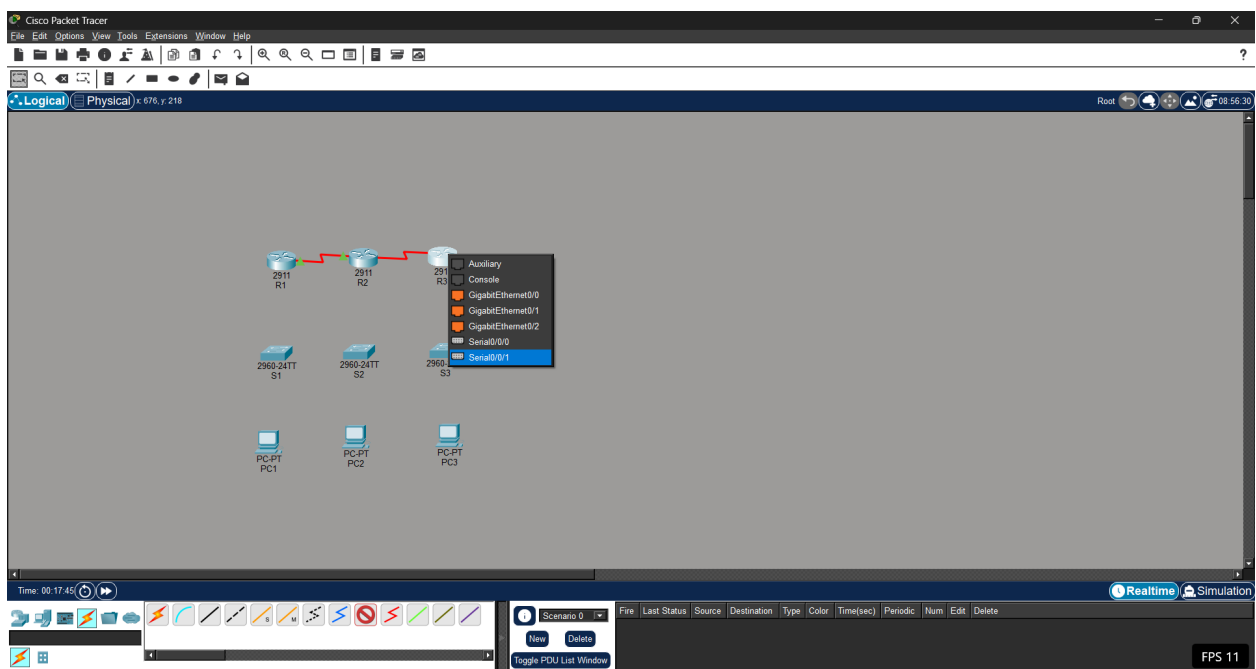
Hình 7: Bấm biểu tượng hình sấm sét để chọn dây đồ có đồng hồ



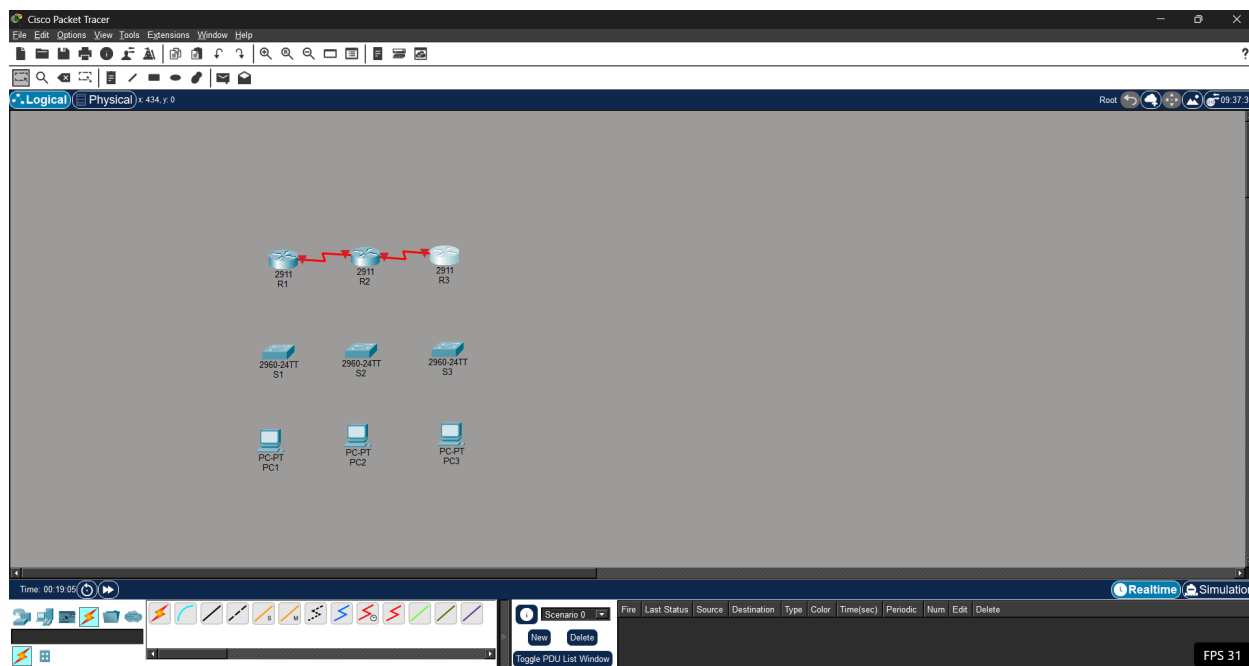
Hình 8: Bấm vào R1 và chọn cổng Serial0/0/0



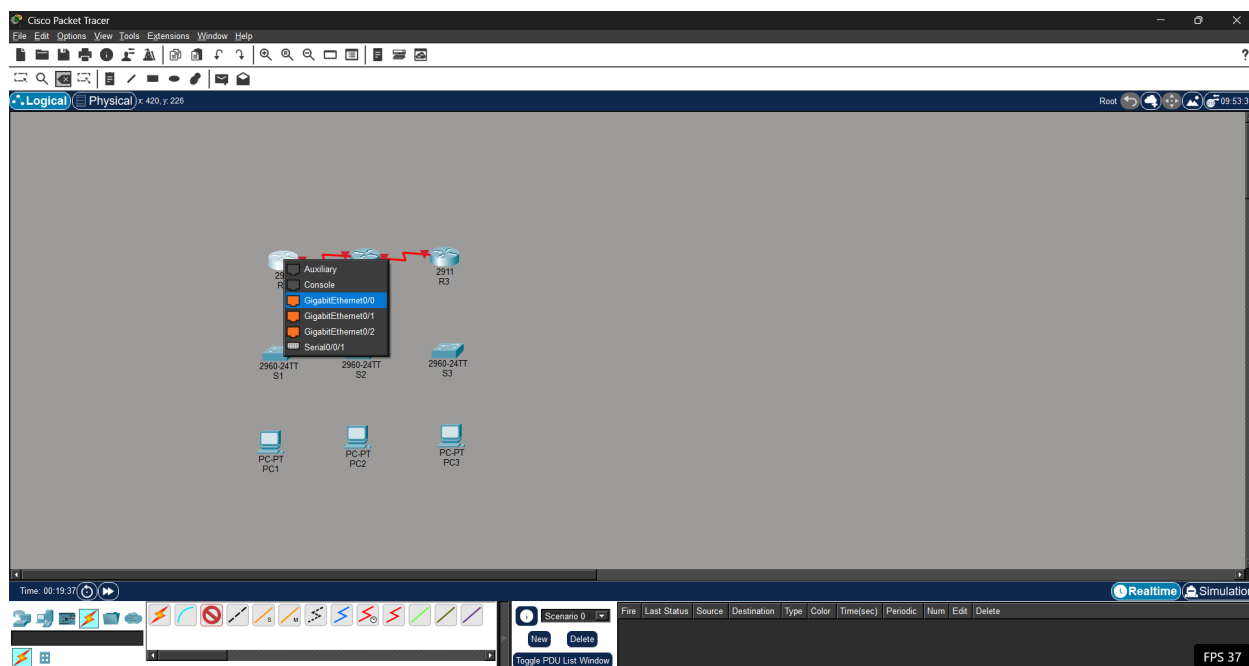
Hình 9: Bấm tiếp vào R2 và chọn cổng Serial0/0/0 để nối dây



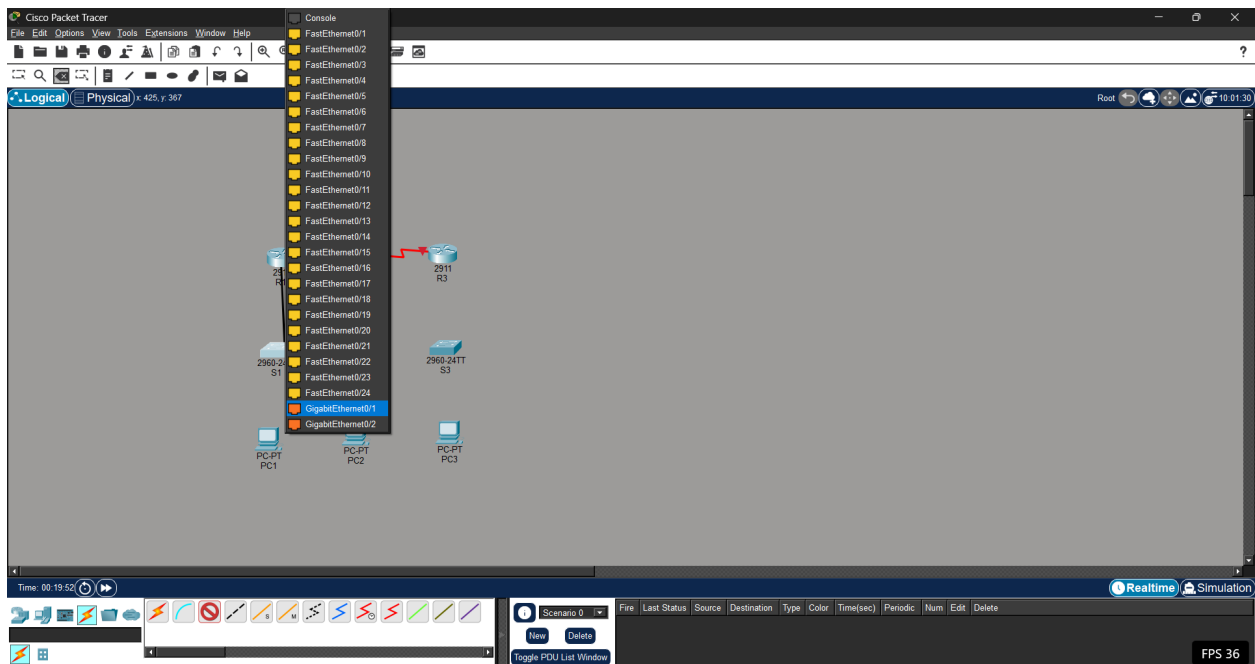
Hình 10: Tương tự 2 bước trên nối cổng Serial0/0/1 của R2 với cổng Serial0/0/1 của R3



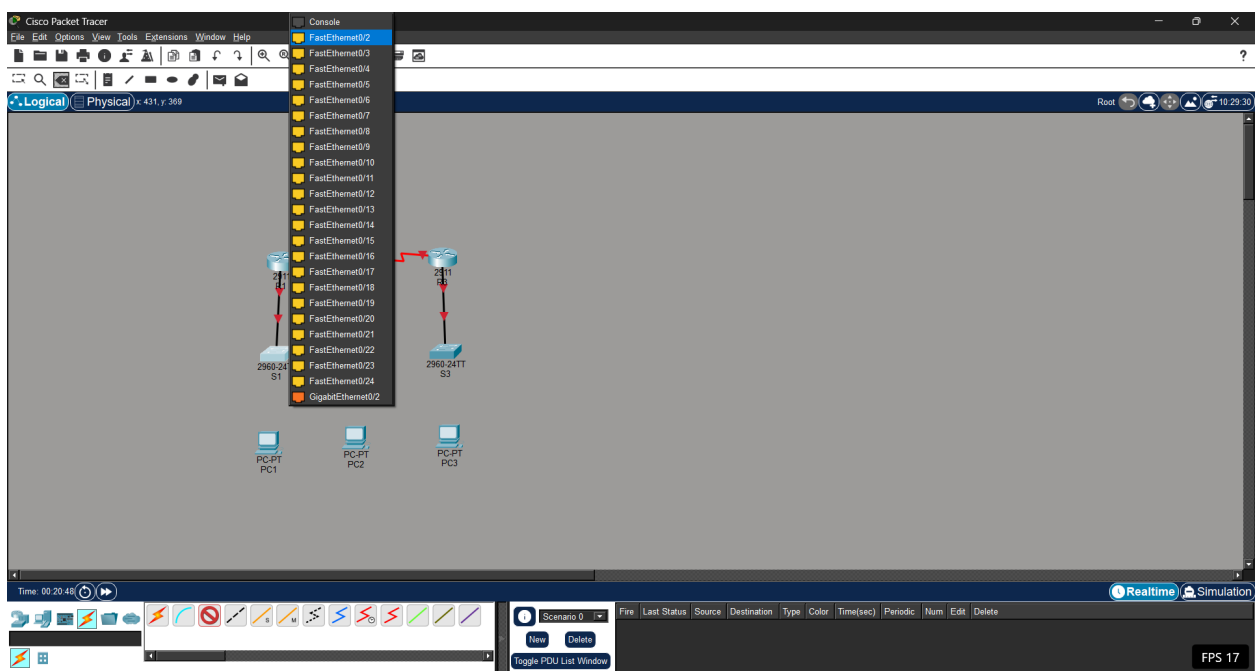
Hình 11: Hình ảnh sau khi nối các Router với nhau



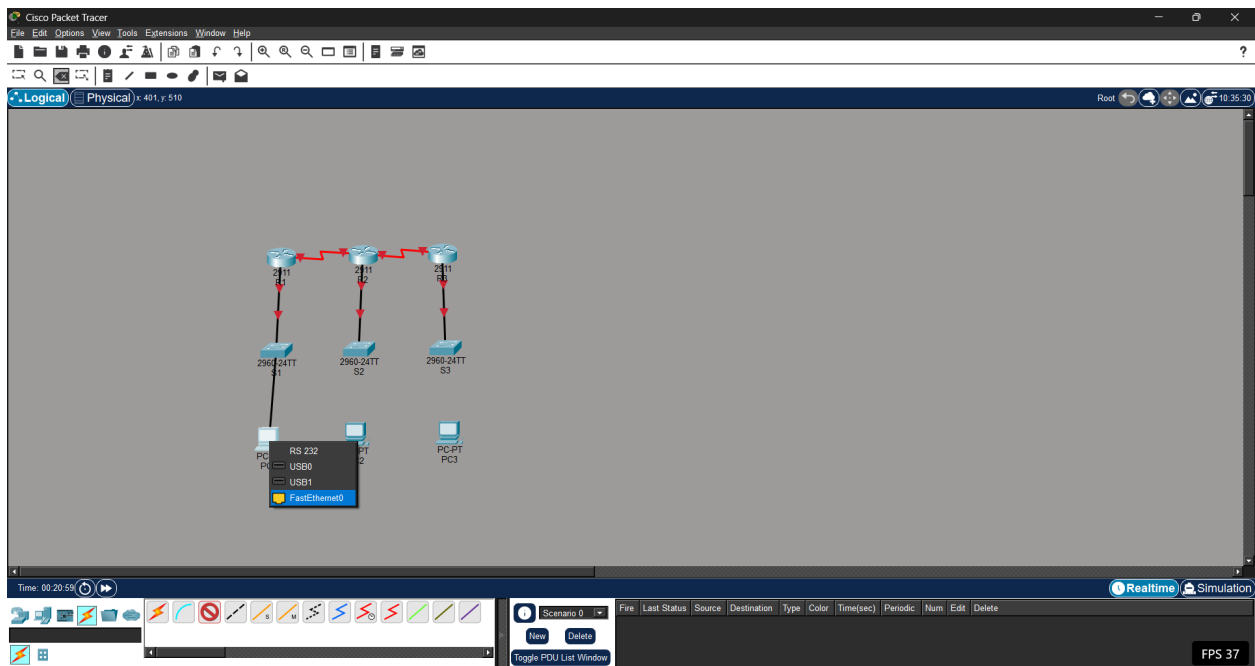
Hình 12: Bấm vào R1 và chọn cổng GigabitEthernet0/0



Hình 13: Bấm tiếp vào S1 và chọn cổng GigabitEthernet0/1 để nối R1 và S1

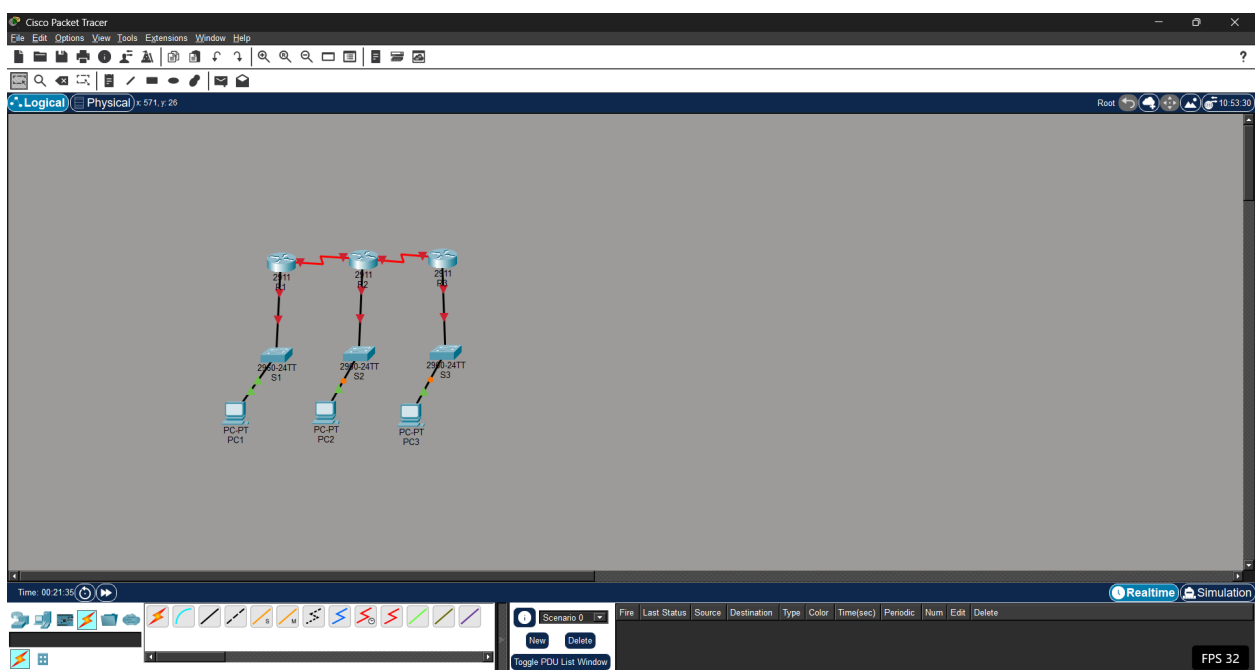


Hình 14: Bấm vào S1 và chọn cổng FastEthernet0/2

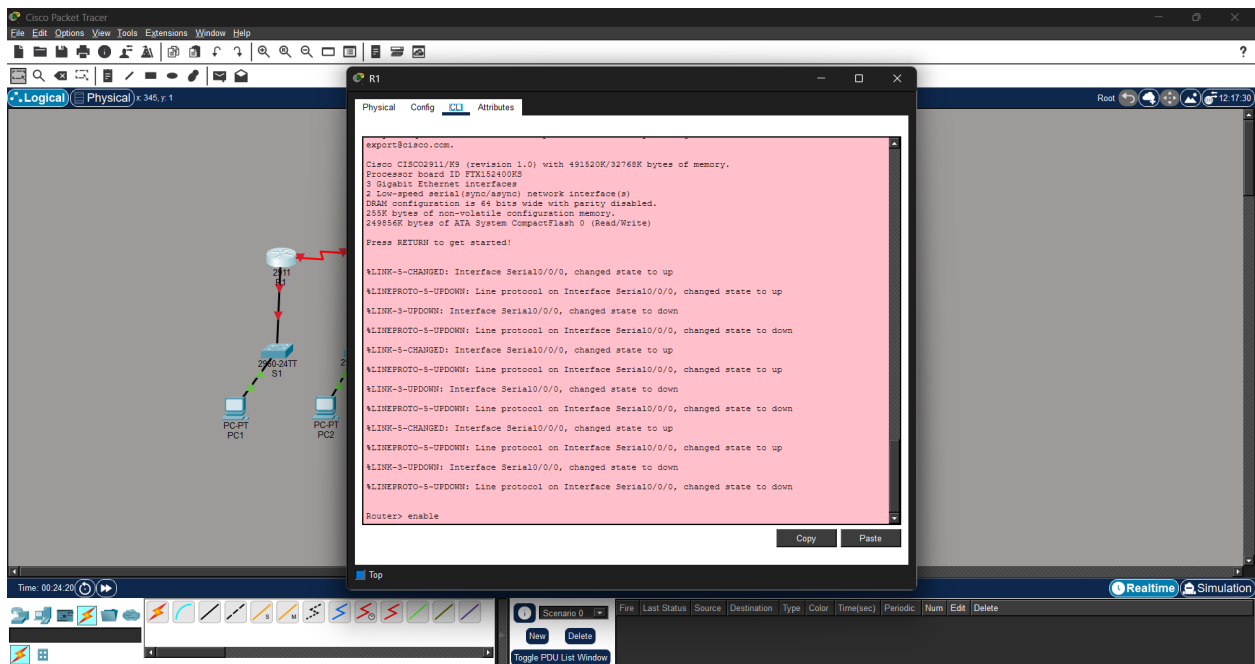


Hình 15: Bấm tiếp vào PC1 và chọn cổng FastEthernet0 để nối S1 và PC1

Làm tương tự các bước trên để nối R2-S2-PC2 và R3-S3-PC3.



Hình 16: Hình ảnh sau khi nối R2-S2-PC2 và R3-S3-PC3



Hình 17: Bấm vào R1 chọn CLI

```
R1#enable
R1#configure terminal
Enter configuration commands, one per line. End with CNTL/Z.
R1(config)#interface serial 0/0/0
R1(config-if)#ip address 10.0.12.1 255.255.255.252
R1(config-if)#clock rate 64000
R1(config-if)#no shutdown
R1(config-if)#exit
```

Hình 18: Nhập các dòng lệnh này vào CLI của R1

```
R2#enable
R2#configure terminal
Enter configuration commands, one per line. End with CNTL/Z.
R2(config)#interface serial 0/0/0
R2(config-if)#ip address 10.0.12.2 255.255.255.252
R2(config-if)#no shutdown

R2(config-if)#exit
R2(config)#interface serial 0/0/1
R2(config-if)#ip address 10.0.23.1 255.255.255.252
R2(config-if)#clock rate 64000
R2(config-if)#no shutdown
R2(config-if)#exit
```

Hình 19: Tương tự mở CLI của R2 và nhập các dòng lệnh này vào CLI của R2

```
R3#enable
R3#configure terminal
Enter configuration commands, one per line. End with CNTL/Z.
R3(config)#interface serial 0/0/1
R3(config-if)#ip address 10.0.23.2 255.255.255.252
R3(config-if)#no shutdown
R3(config-if)#exit
```

Hình 20: Tương tự mở CLI của R3 và nhập các dòng lệnh này vào CLI của R3

Sau khi nhập các dòng lệnh trên thì chúng ta sẽ thấy đường dây nối giữa các Router sẽ đổi từ các mũi tên màu đỏ thành xanh lá.

```
R1(config)#interface GigabitEthernet0/0
R1(config-if)#ip address 192.168.1.1 255.255.255.0
R1(config-if)#no shutdown

R1(config-if)#exit
R1(config)#ip route 192.168.2.0 255.255.255.0 10.0.12.2
R1(config)#ip route 192.168.3.0 255.255.255.0 10.0.12.2
R1(config)#do write
%LINK-5-CHANGED: Interface GigabitEthernet0/0, changed state to up

%LINEPROTO-5-UPDOWN: Line protocol on Interface GigabitEthernet0/0, changed state to up

Building configuration...
[OK]
```

Hình 21: Quay lại CLI của R1 để nhập thêm các dòng lệnh trên vào

```
R2(config)#interface GigabitEthernet0/0
R2(config-if)#ip address 192.168.2.1 255.255.255.0
R2(config-if)#no shutdown

R2(config-if)#exit
R2(config)#interface Serial0/0/1
R2(config-if)#ip address 10.0.23.1 255.255.255.252
R2(config-if)#clock rate 64000
R2(config-if)#no shutdown
R2(config-if)#exit
R2(config)#ip route 192.168.1.0 255.255.255.0 10.0.12.1
R2(config)#ip route 192.168.3.0 255.255.255.0 10.0.23.2
R2(config)#do write
%LINK-5-CHANGED: Interface GigabitEthernet0/0, changed state to up

%LINEPROTO-5-UPDOWN: Line protocol on Interface GigabitEthernet0/0, changed state to up

Building configuration...
[OK]
```

Hình 22: Quay lại CLI của R2 để nhập thêm các dòng lệnh trên vào

```
R3(config)#interface GigabitEthernet0/0
R3(config-if)#ip address 192.168.3.1 255.255.255.0
R3(config-if)#no shutdown

R3(config-if)#exit
R3(config)#interface Serial0/0/1
R3(config-if)#ip address 10.0.23.2 255.255.255.252
R3(config-if)#no shutdown

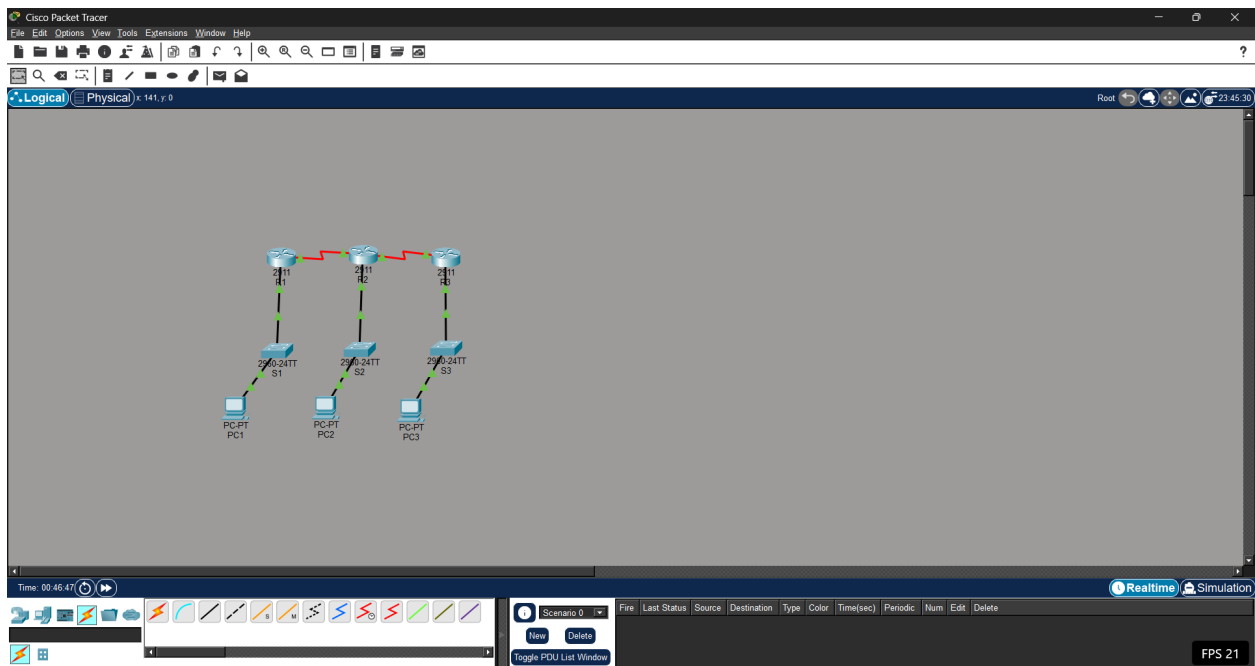
R3(config-if)#exit
R3(config)#ip route 192.168.1.0 255.255.255.0 10.0.23.1
R3(config)#ip route 192.168.2.0 255.255.255.0 10.0.23.1
R3(config)#do write
%LINK-5-CHANGED: Interface GigabitEthernet0/0, changed state to up

%LINEPROTO-5-UPDOWN: Line protocol on Interface GigabitEthernet0/0, changed state to up

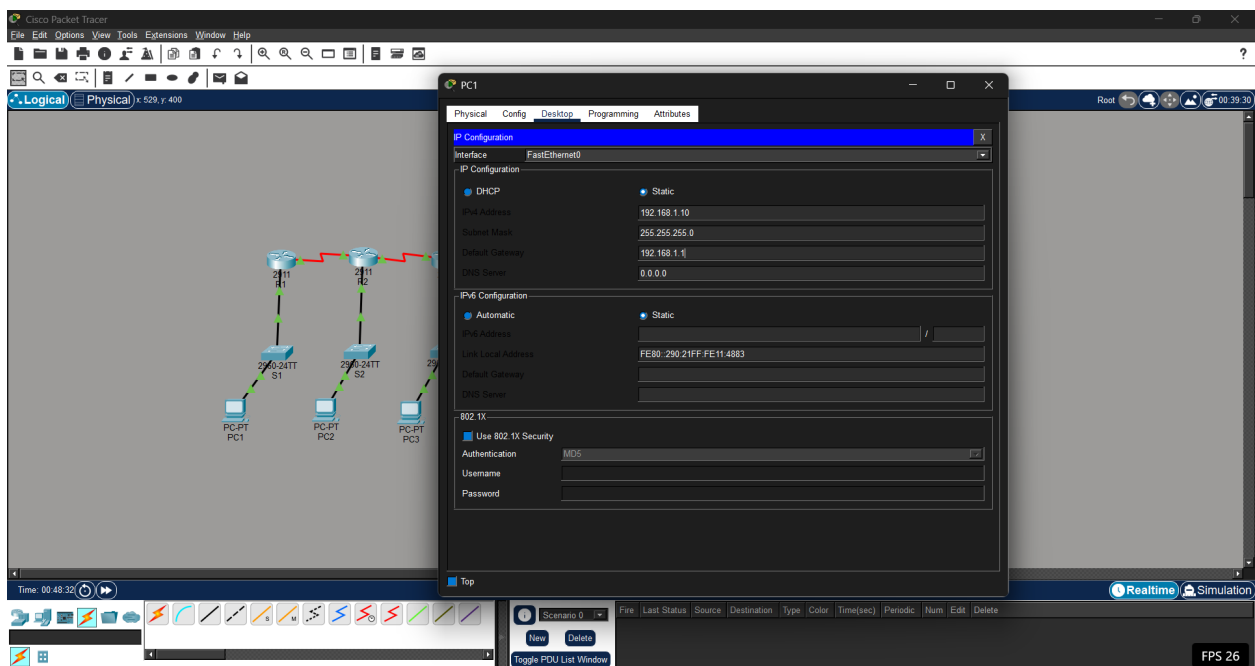
%LINK-5-CHANGED: Interface Serial0/0/1, changed state to up

Building configuration...
[OK]
```

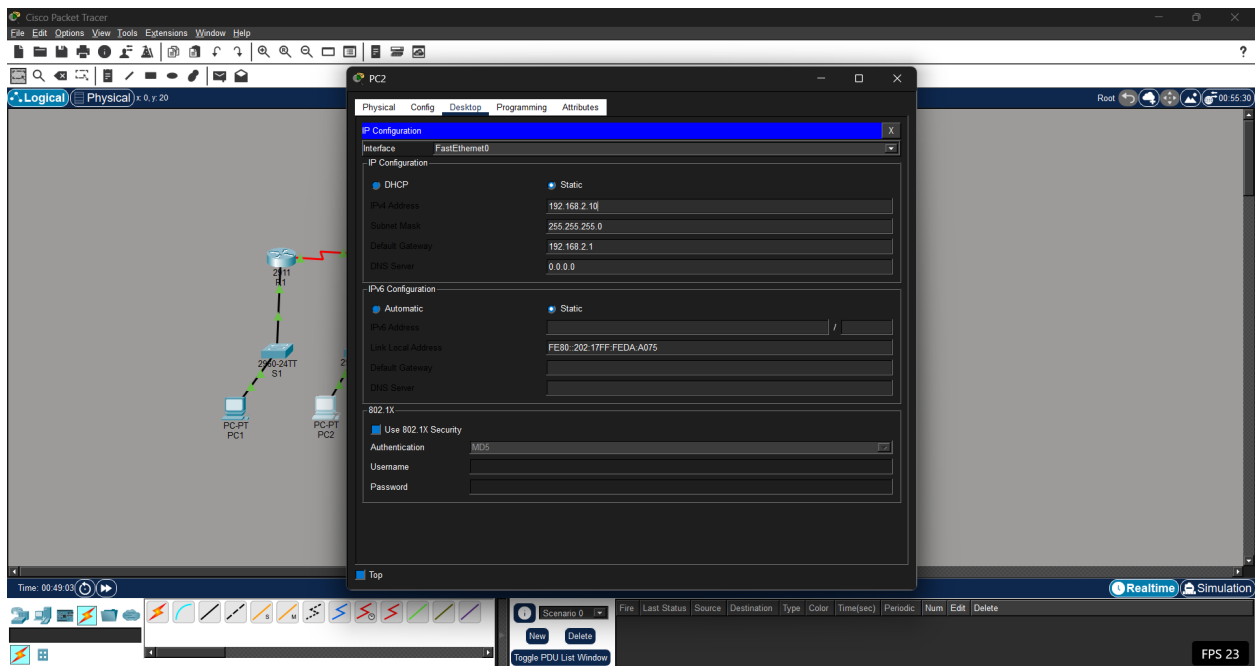
Hình 23: Quay lại CLI của R3 để nhập thêm các dòng lệnh trên vào



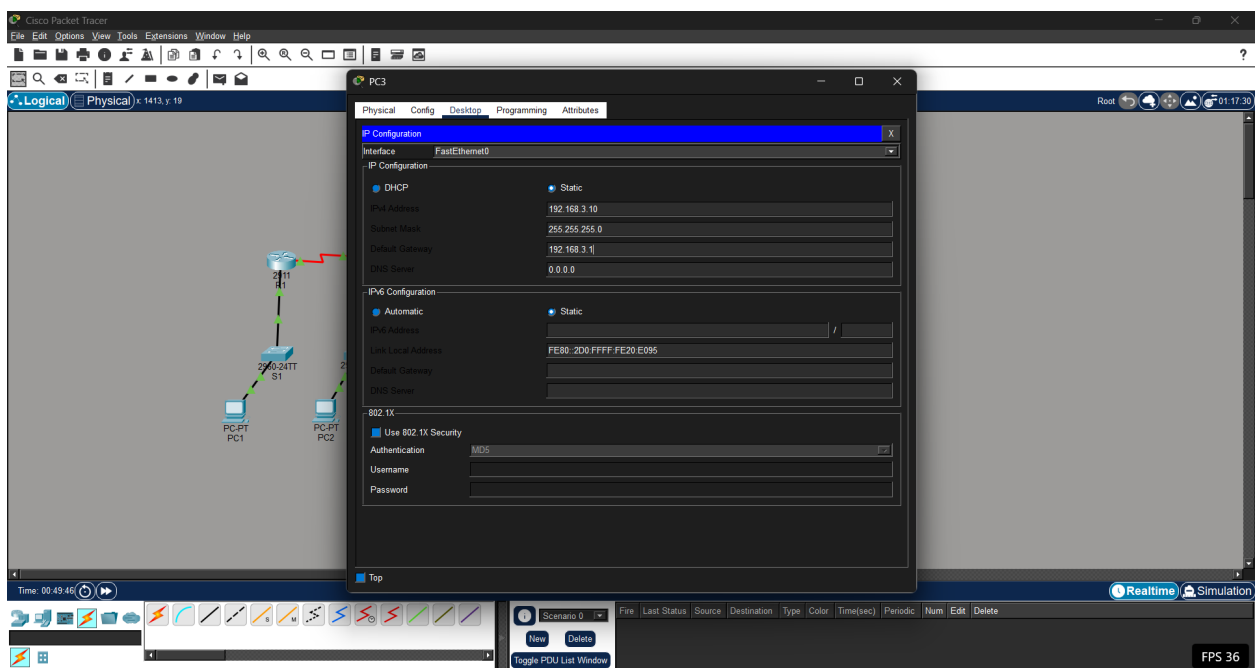
Hình 24: Hình ảnh sau khi đã nhập hết tất cả các lệnh trên



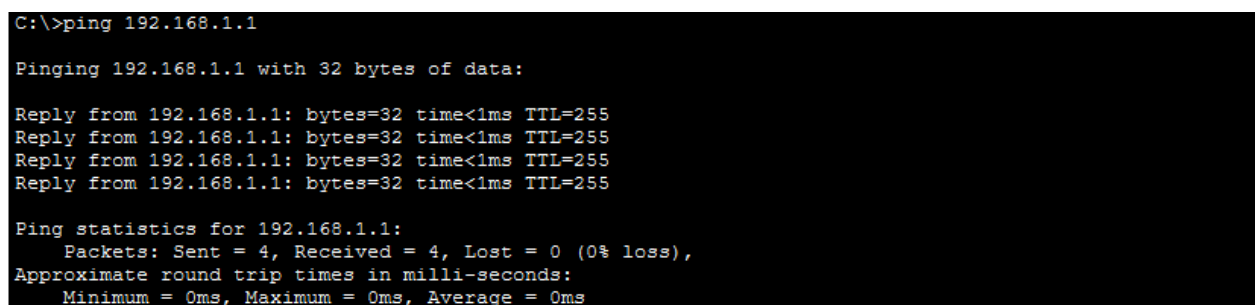
Hình 25: Bấm vào PC1 chọn Desktop -> IP Configuration và sửa các IP của PC1 theo yêu cầu đề bài



Hình 26: Tương tự sửa các địa chỉ IP của PC2 theo yêu cầu đề bài



Hình 27: Tương tự sửa các địa chỉ IP của PC3 theo yêu cầu đề bài



Hình 28: Kiểm tra kết nối từ PC1 bằng lệnh ping


```
C:\>ping 192.168.2.1

Pinging 192.168.2.1 with 32 bytes of data:

Reply from 192.168.2.1: bytes=32 time<1ms TTL=255
Reply from 192.168.2.1: bytes=32 time<1ms TTL=255
Reply from 192.168.2.1: bytes=32 time<1ms TTL=255
Reply from 192.168.2.1: bytes=32 time<1ms TTL=255

Ping statistics for 192.168.2.1:
    Packets: Sent = 4, Received = 4, Lost = 0 (0% loss),
    Approximate round trip times in milli-seconds:
        Minimum = 0ms, Maximum = 0ms, Average = 0ms
```

Hình 29: Kiểm tra kết nối từ PC2 bằng lệnh ping

```
C:\>ping 192.168.3.1

Pinging 192.168.3.1 with 32 bytes of data:

Reply from 192.168.3.1: bytes=32 time<1ms TTL=255
Reply from 192.168.3.1: bytes=32 time<1ms TTL=255
Reply from 192.168.3.1: bytes=32 time<1ms TTL=255
Reply from 192.168.3.1: bytes=32 time<1ms TTL=255

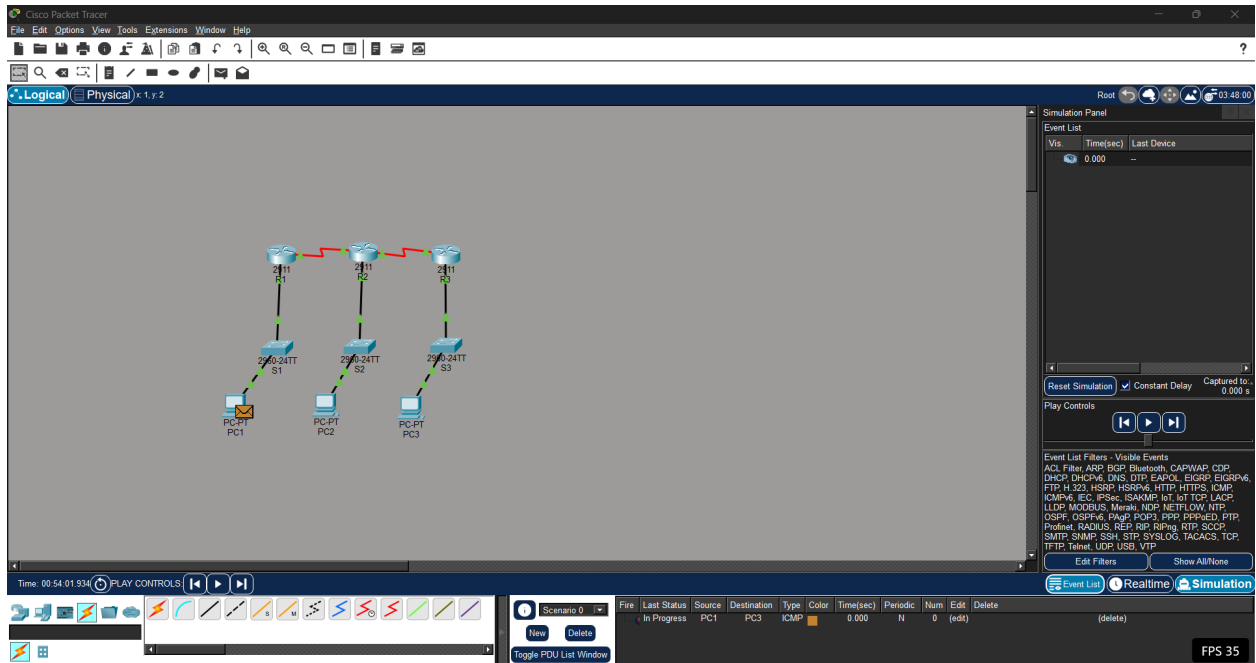
Ping statistics for 192.168.3.1:
    Packets: Sent = 4, Received = 4, Lost = 0 (0% loss),
    Approximate round trip times in milli-seconds:
        Minimum = 0ms, Maximum = 0ms, Average = 0ms
```

Hình 30: Kiểm tra kết nối từ PC3 bằng lệnh ping

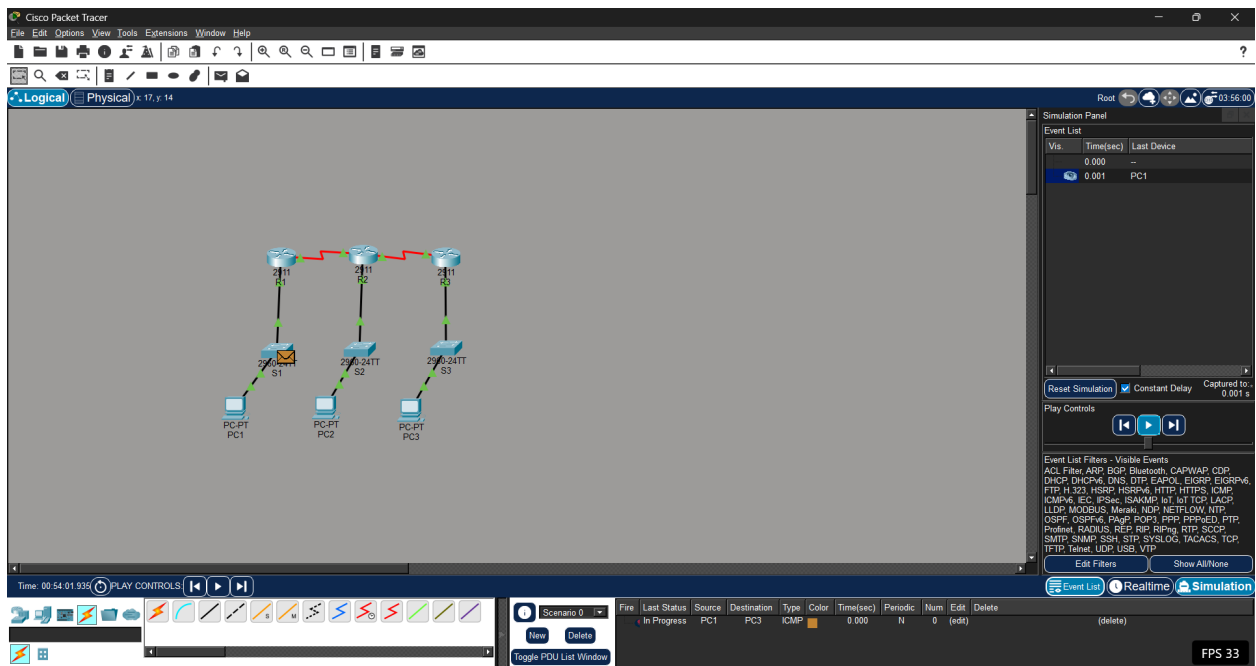
Vậy là chúng ta đã hoàn thành xong phần cấu hình hệ thống cho Part 1. Tiếp theo chúng ta sẽ phân tích hành trình gói tin từ PC1 đến PC3.

3.2 Trả lời các câu hỏi Lab - Phân tích hành trình gói tin (PC1 → PC3)

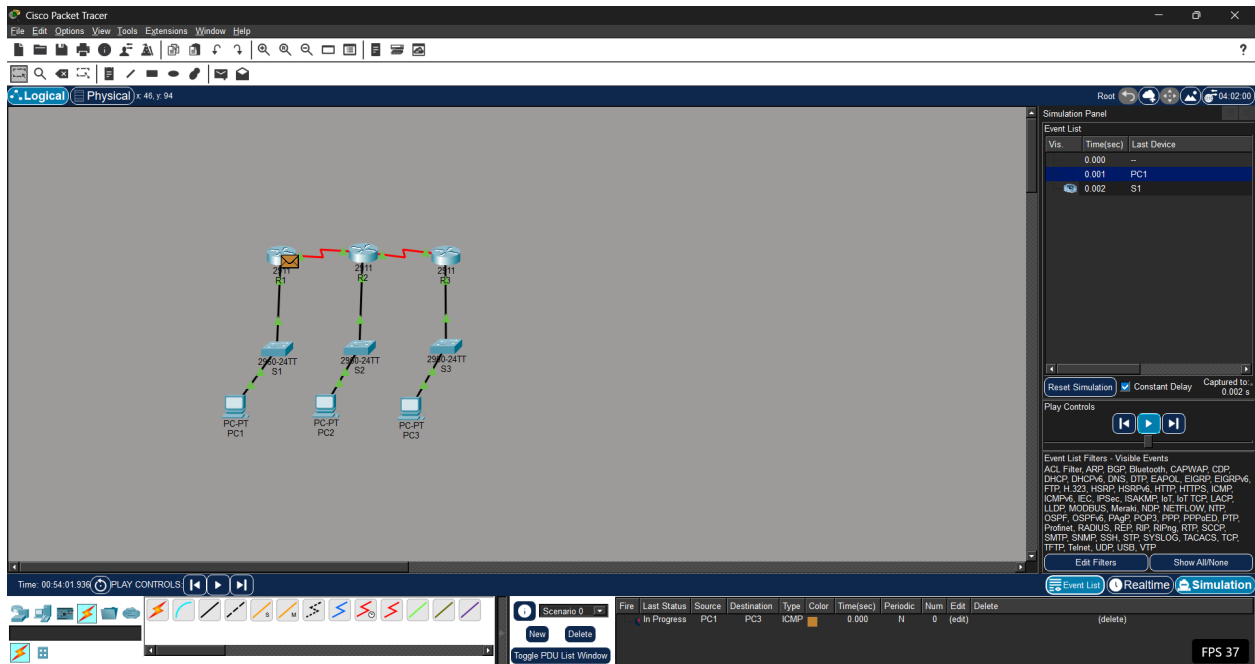
Phase 1: Gói tin rời LAN nguồn (PC1 → R1)



Hình 31: Gói tin ở PC1 trước khi rời đi



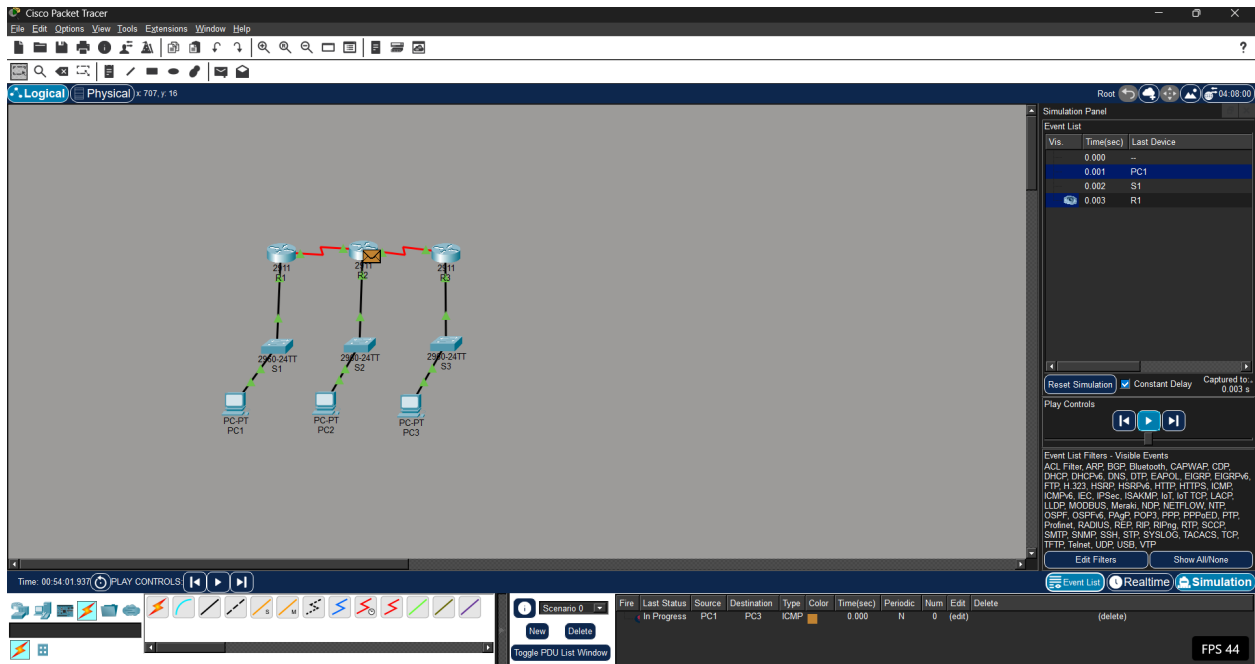
Hình 32: Gói tin khi đến S1



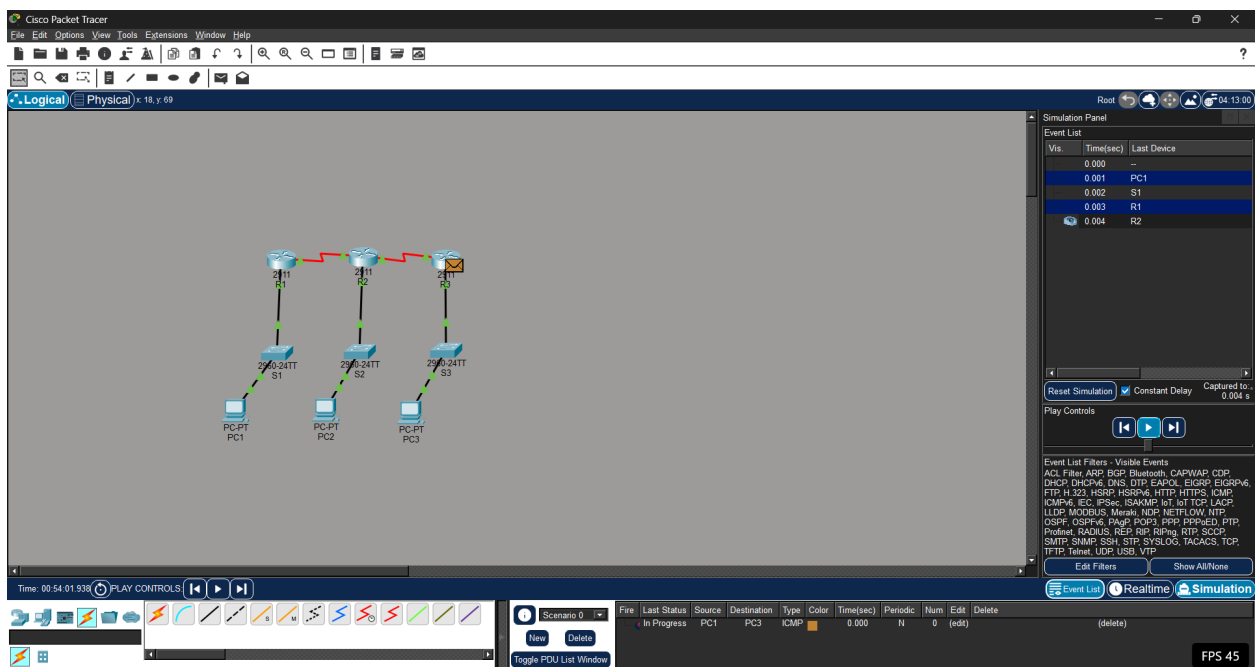
Hình 33: Gói tin khi đến R1

- Câu hỏi:** Khi gói tin vừa được tạo trên PC1, địa chỉ IP nguồn và IP đích là gì? Những địa chỉ này có thay đổi trong suốt hành trình không?
- Trả lời:** Địa chỉ IP nguồn là 192.168.1.10 và địa chỉ IP đích là 192.168.3.10. Các địa chỉ này **không bao giờ thay đổi** trong suốt hành trình truyền tải vì chúng dùng để định danh thiết bị cuối (End-to-End).
- Câu hỏi:** Làm thế nào PC1 xác định được địa chỉ MAC đích cần thiết để gửi gói tin đến chặng kế tiếp (R1)? Giao thức nào được sử dụng?
- Trả lời:** PC1 nhận thấy IP đích nằm ngoài mạng LAN nên nó gửi gói tin đến Default Gateway (R1). PC1 sử dụng giao thức **ARP (Address Resolution Protocol)** để phân giải địa chỉ IP của cổng Gateway thành địa chỉ MAC tương ứng.
- Câu hỏi:** Khi gói tin rời PC1 và đi qua Switch (S1), địa chỉ MAC nguồn và MAC đích của khung Ethernet là gì?
- Trả lời:** Địa chỉ MAC nguồn là địa chỉ vật lý của PC1 và địa chỉ MAC đích là địa chỉ vật lý của cổng GigabitEthernet0/0 trên Router R1.

Phase 2: Trải qua lộ trình định tuyến (R1 → R2 → R3)



Hình 34: Gói tin khi đến R2

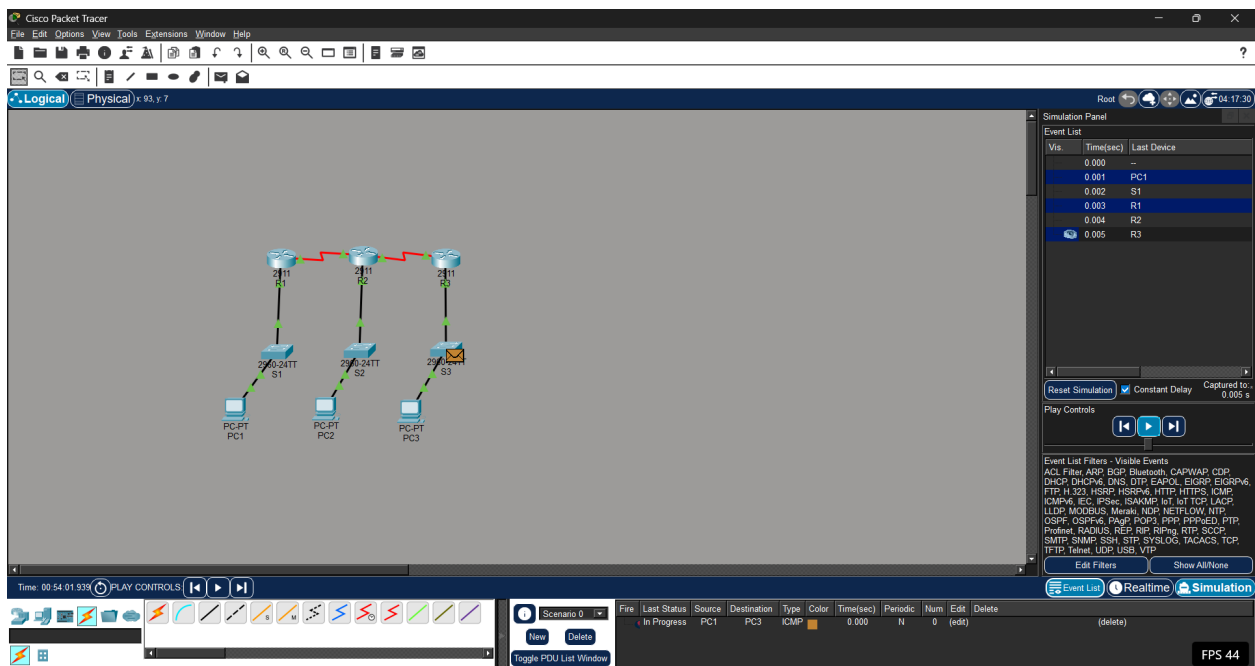


Hình 35: Gói tin khi đến R3

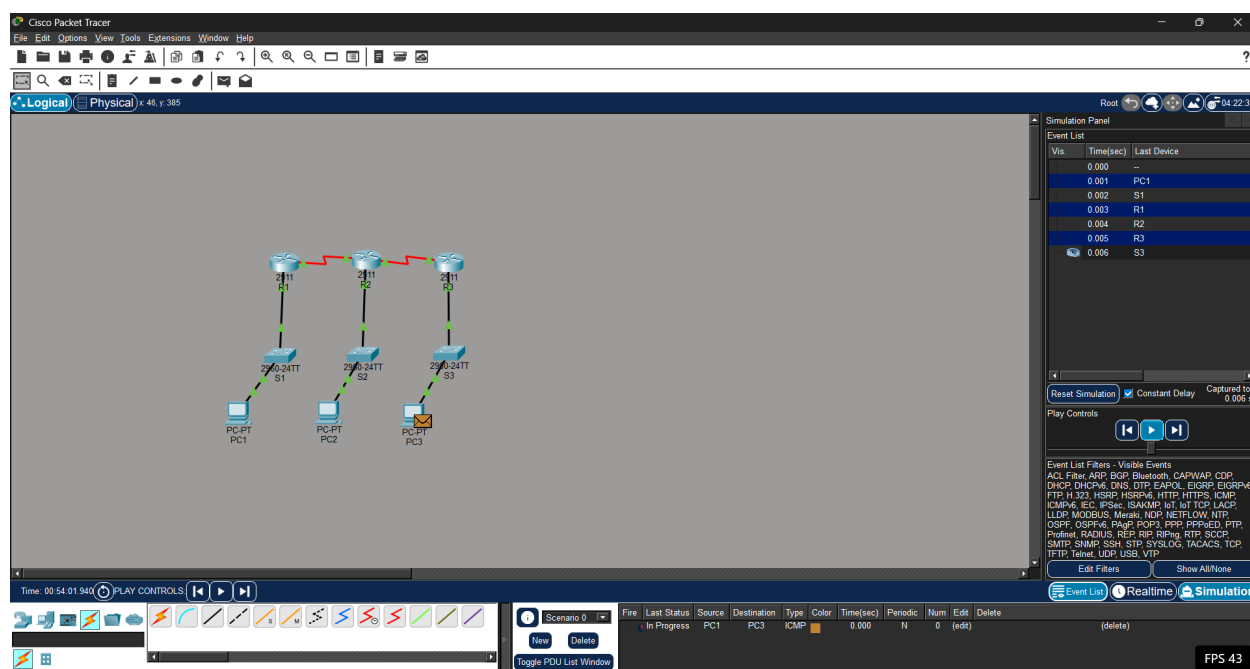
- Câu hỏi:** Khi khung dữ liệu đến R1, điều gì xảy ra với địa chỉ MAC đích? Tại sao Router lại hủy bỏ tiêu đề khung ban đầu? Địa chỉ Next Hop IP để đến 192.168.3.10 là gì?
- Trả lời:** R1 sẽ **gỡ bỏ (discard)** tiêu đề khung Ethernet cũ vì thông tin Lớp 2 chỉ có giá trị nội bộ trong một chặng đơn lẻ. Router cần đọc gói tin ở Lớp 3 để thực hiện định tuyến. Địa chỉ **Next Hop IP** để đi tiếp là 10.0.12.2 (cổng Serial của R2).
- Câu hỏi:** Liên kết R1 đến R2 (Serial): Địa chỉ MAC nguồn và MAC đích trong khung mới do R1 tạo ra là gì?

- **Trả lời:** Vì đây là liên kết Serial điểm-đến-điểm, nó không sử dụng địa chỉ MAC như Ethernet. R1 đóng gói gói tin bằng tiêu đề Serial (như HDLC hoặc PPP) thay thế cho Ethernet frame.
- **Câu hỏi:** Khi gói tin đến R2, Router này có ghi lại địa chỉ IP nguồn/đích không? Giải thích theo quy tắc Lớp 3.
- **Trả lời:** R2 **không** ghi lại IP nguồn hay IP đích. Theo quy tắc Layer 3, địa chỉ IP phải được giữ nguyên từ nguồn đến đích để đảm bảo gói tin đến đúng nơi và thiết bị đích có thể phản hồi lại đúng địa chỉ nguồn.
- **Câu hỏi:** R2 làm gì với tiêu đề Lớp 2 trước khi gửi đến R3? Khung mới của R2 so với R1 như thế nào?
- **Trả lời:** R2 gỡ bỏ tiêu đề Lớp 2 nhận được từ R1 và tạo ra một tiêu đề Lớp 2 mới cho chặng R2-R3. Khung mới này có cấu trúc tương tự khung của R1 vì cả hai chặng đều sử dụng công nghệ truyền dẫn Serial.

Phase 3: Gói tin đến LAN đích (R3 → PC3)



Hình 36: Gói tin khi đến S3

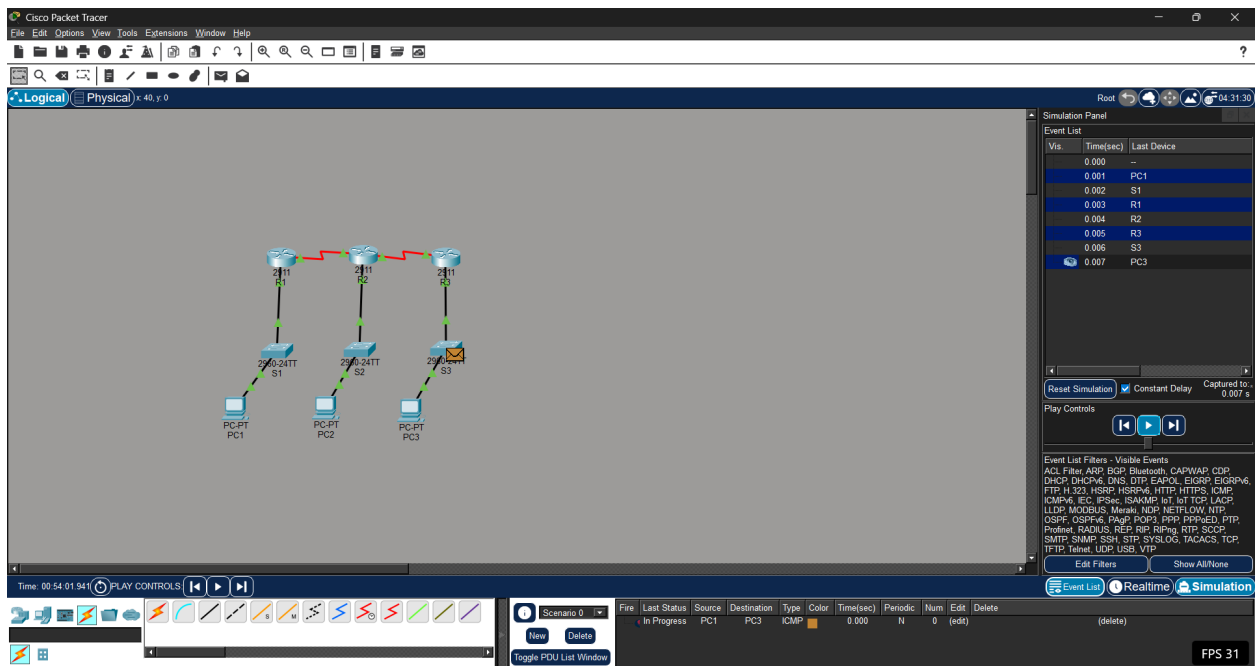


Hình 37: Gói tin khi đến PC3

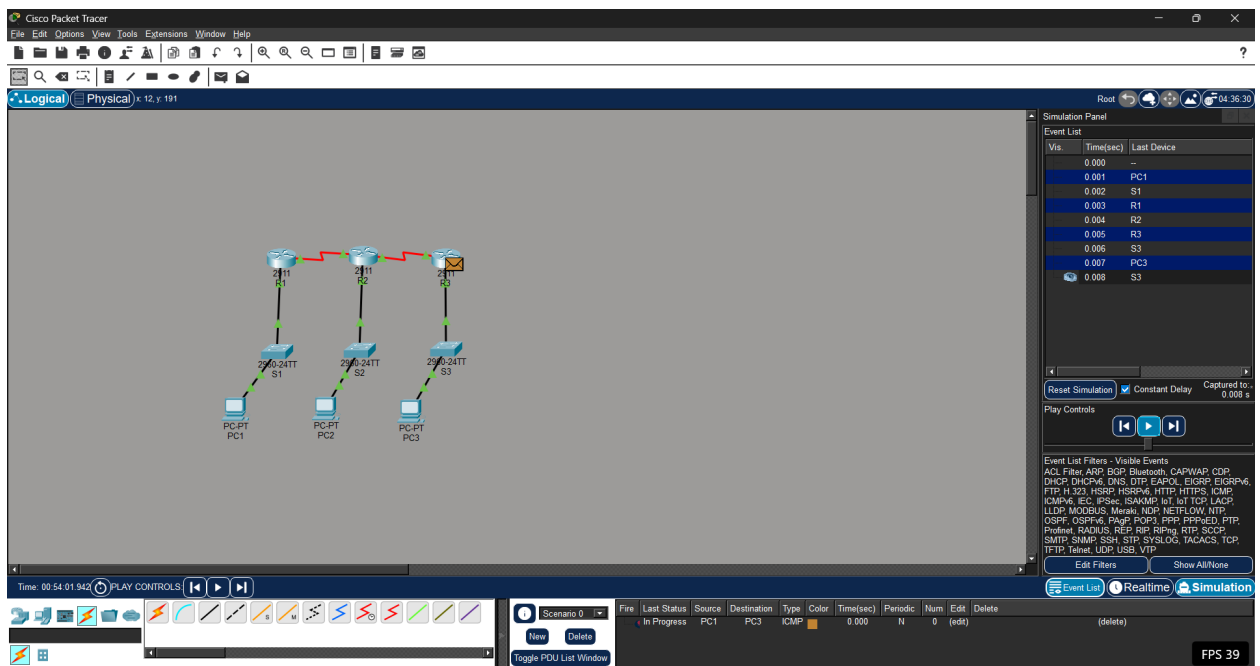
- **Câu hỏi:** Khi gói tin đến R3, giao tiếp nào được xác định là cổng thoát cho địa chỉ 192.168.3.10?
- **Trả lời:** R3 xác định cổng thoát là **GigabitEthernet0/0**, giao tiếp kết nối trực tiếp với mạng LAN của PC3.
- **Câu hỏi:** Trước khi gửi đến PC3, R3 phải khám phá địa chỉ nào và bằng cách nào?
- **Trả lời:** R3 phải khám phá địa chỉ **MAC vật lý của PC3**. Nó thực hiện việc này bằng cách gửi một gói tin **ARP Request** xuống mạng LAN.
- **Câu hỏi:** Địa chỉ MAC nguồn và MAC đích khi khung dữ liệu rời cổng LAN của R3 đến PC3 là gì?
- **Trả lời:** Địa chỉ MAC nguồn là địa chỉ vật lý cổng Gig0/0 của Router R3 và địa chỉ MAC đích là địa chỉ vật lý của PC3.

Sau khi phân tích hành trình gói tin từ PC1 đến PC3, chúng ta thấy rằng địa chỉ IP nguồn và đích không thay đổi trong suốt quá trình truyền. Tuy nhiên, địa chỉ MAC thay đổi tại mỗi chặng để phù hợp với các liên kết vật lý khác nhau. Các Router thực hiện việc tra cứu bảng định tuyến để xác định Next Hop và đóng gói lại gói tin theo giao thức phù hợp với từng chặng đường.

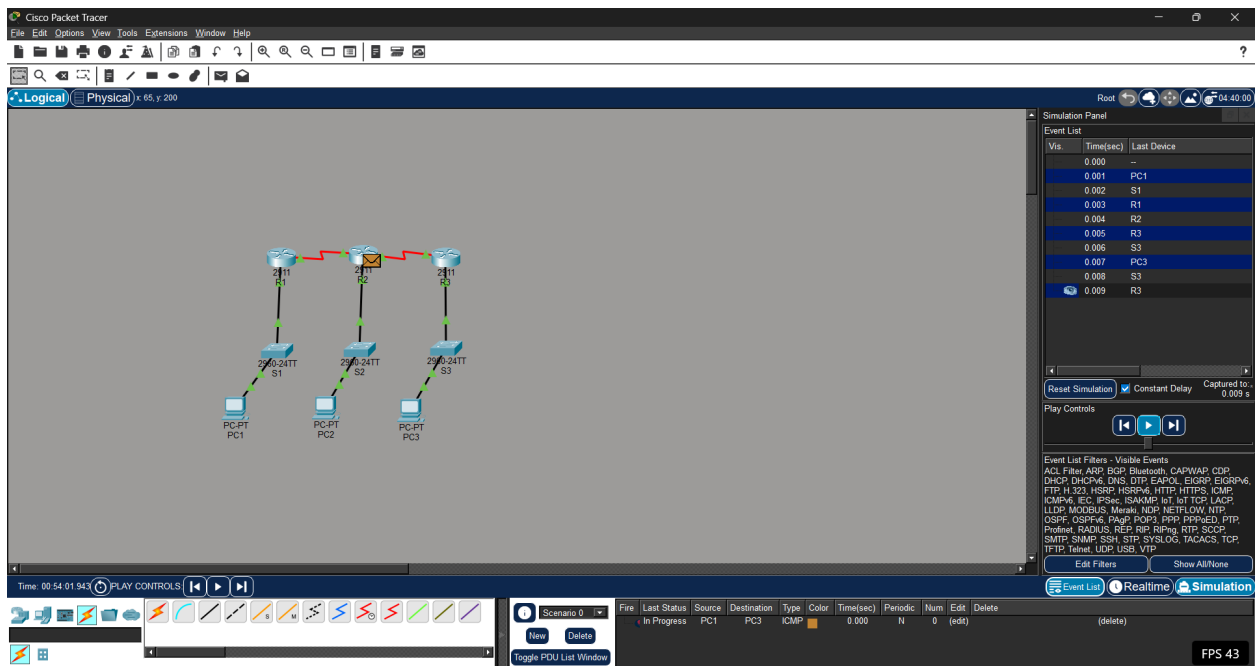
Và ngoài ra, nhóm cũng đã kiểm tra kết nối ngược lại từ PC3 đến PC1 và kết quả cũng tương tự như trên, đảm bảo tính hai chiều trong việc truyền dữ liệu.



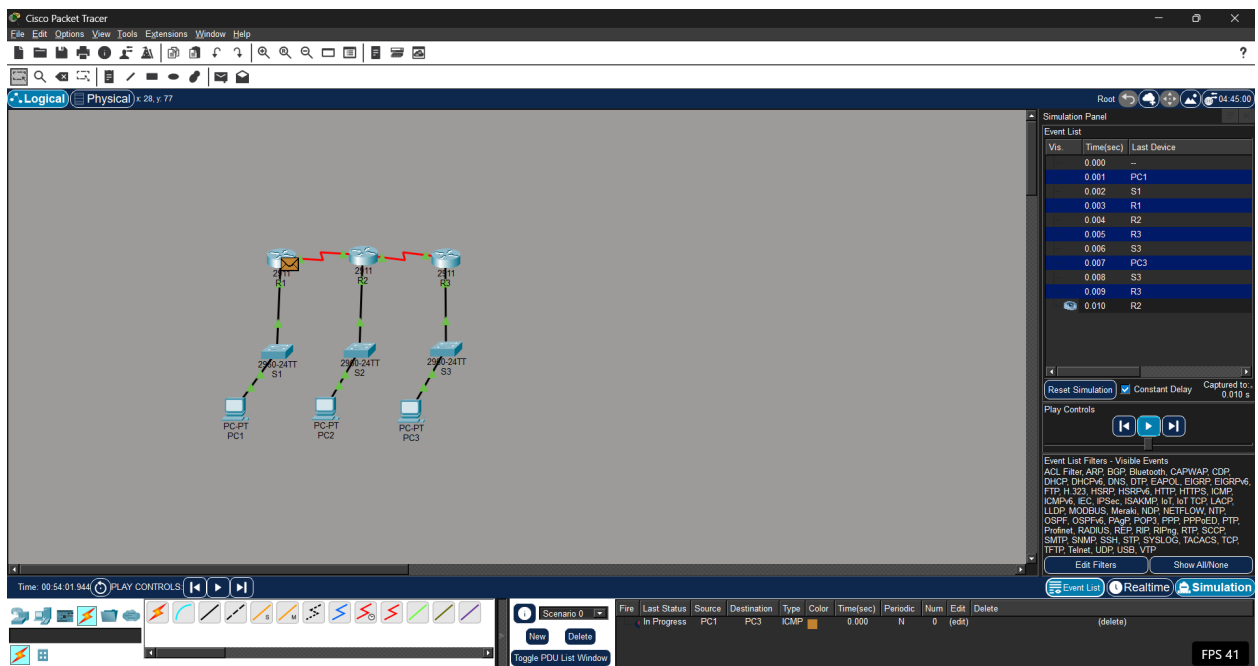
Hình 38: Gói tin đi từ PC3 đến S3



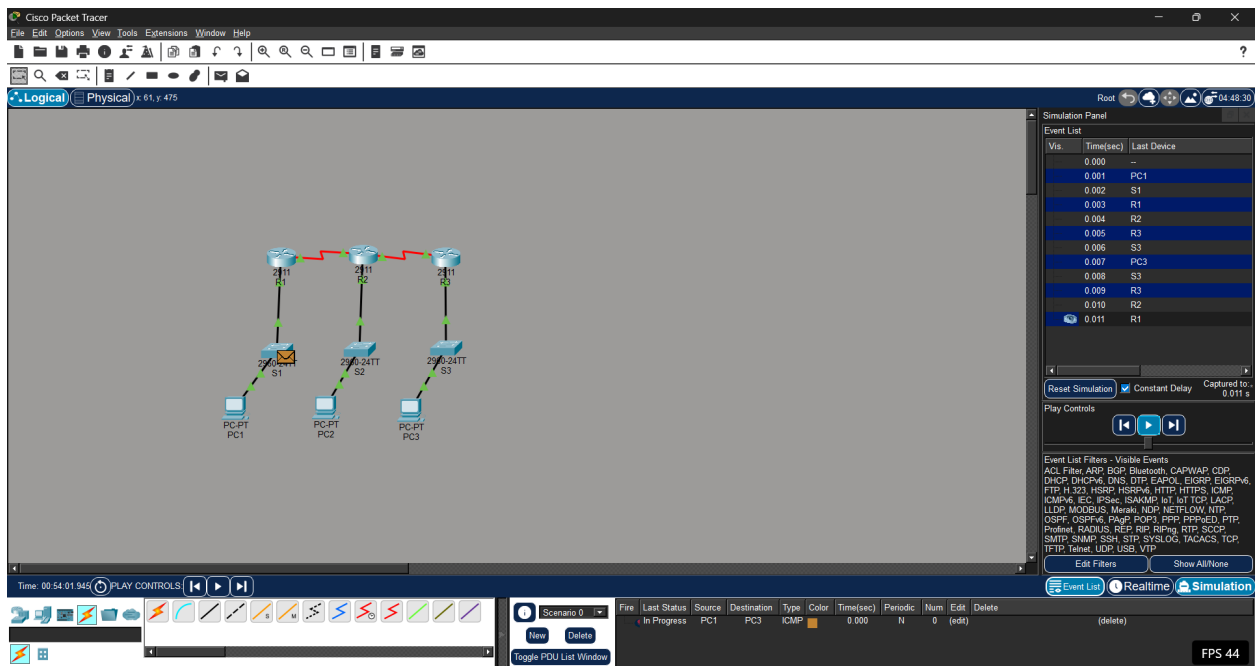
Hình 39: Gói tin đến R3



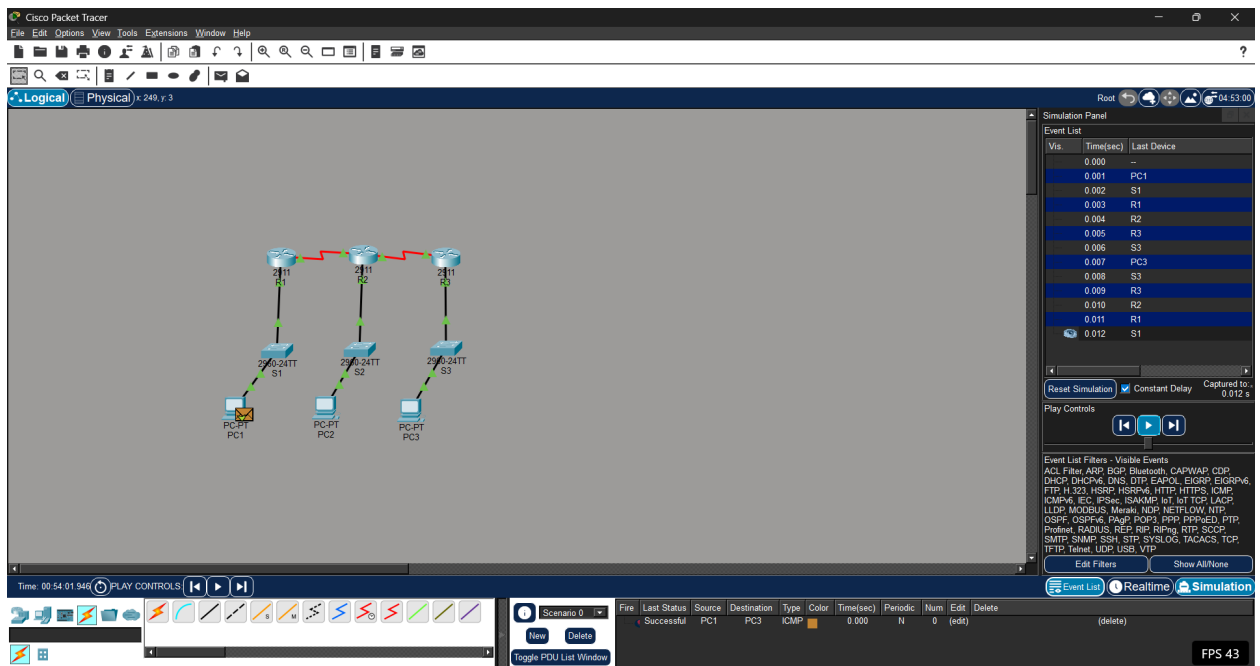
Hình 40: Gói tin đến R2



Hình 41: Gói tin đến R1



Hình 42: Gói tin đến S1



Hình 43: Gói tin đến PC1

Ta thấy rằng hành trình gói tin từ PC3 đến PC1 cũng tuân theo các nguyên tắc tương tự như từ PC1 đến PC3, với việc thay đổi địa chỉ MAC tại mỗi chặng và giữ nguyên địa chỉ IP nguồn và đích.

4 PART 2: ENTERPRISE SERVICES AND DHCP RELAY

4.1 Phần chuẩn bị (Cấu hình hệ thống)

4.2 Trả lời các câu hỏi Lab

5 KẾT LUẬN VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN

5.1 Kết luận

Nhóm đã hoàn thành việc kết nối thông suốt giữa hai phân vùng mạng khác nhau. Các dịch vụ DHCP, DNS và Web hoạt động ổn định, PC ở Phần 1 đã có thể truy cập trang web ở Phần 2 thông qua tên miền.

5.2 Hạn chế

Sử dụng giao thức định tuyến RIPv2 có tốc độ hội tụ chậm và tốn băng thông do gửi bảng định tuyến theo chu kỳ.

5.3 Hướng phát triển

Nâng cấp giao thức định tuyến lên OSPF hoặc EIGRP để tối ưu hóa hiệu năng cho mạng lớn hơn, triển khai thêm Firewall để bảo mật hệ thống Server.